

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN VĨNH CỬU (DỰ ƯỚC)

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
I	Diện tích tự nhiên	108.914,44	1.525,54	671,64	20.950,32	40.108,42	27.899,83	5.266,18	1.108,65	1.354,36	2.282,75	1.848,13	3.140,18	2.758,44
1	Đất nông nghiệp	89.039,53	1.206,38	400,53	19.379,09	27.783,50	26.571,76	4.502,55	848,37	804,26	1.364,65	1.575,84	2.301,50	2.301,10
1.1	Đất trồng lúa	1.554,69	223,52	177,72	-	-	-	536,55	154,00	100,73	230,84	-	94,88	36,45
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.305,94	213,53	177,38	-	-	-	533,82	109,93	86,35	155,69	-	-	29,24
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.190,74	118,56	28,10	114,80	53,91	248,76	197,10	74,53	245,89	346,46	83,97	380,75	297,91
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.689,94	843,66	193,84	866,58	481,60	2.315,06	1.980,52	611,46	438,08	530,16	751,87	1.436,20	1.240,91
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	-	-	-	-	-	-	-	-	11,57	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.102,75	-	-	16.738,52	24.950,31	22.413,92	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	7.950,35	-	-	1.567,07	2.247,17	1.484,54	1.288,14	-	-	144,48	725,91	155,64	337,40
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	2.221,47	-	-	846,92	656,76	717,79	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.223,67	15,76	0,87	48,72	43,24	35,14	408,36	8,12	17,39	101,14	3,99	169,66	371,28
1.8	Đất nông nghiệp khác	315,82	4,88	-	43,40	7,27	74,34	91,88	0,26	2,17	-	10,10	64,37	17,15
2	Đất phi nông nghiệp	19.874,91	319,16	271,11	1.571,23	12.324,92	1.328,07	763,63	260,28	550,10	918,10	272,29	838,68	457,34
2.1	Đất quốc phòng	167,50	17,15	60,69	38,13	-	3,04	14,04	1,48	11,01	19,08	-	2,88	-
2.2	Đất an ninh	9,87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9,87	-
2.3	Đất khu công nghiệp	120,96	-	-	-	-	-	5,97	-	114,99	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	158,47	-	-	-	-	-	64,32	-	-	94,15	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	59,40	0,31	0,43	0,30	22,99	0,80	1,09	5,12	4,52	1,73	0,12	15,50	6,49
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	324,97	8,96	11,33	0,64	1,06	3,87	71,51	0,31	27,78	143,30	15,63	20,47	20,11
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	467,03	-	-	-	-	-	10,98	-	63,07	314,10	-	17,82	61,06
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.777,70	60,41	42,09	209,47	229,86	150,28	282,94	78,53	119,27	149,78	62,97	196,58	195,52
	<i>Trong đó:</i>													

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
	- Đất giao thông	1.102,47	35,19	23,62	117,60	196,94	128,51	123,33	49,96	81,67	96,76	47,90	119,62	81,37
	- Đất thủy lợi	74,03	7,33	4,18	2,96	0,49	0,85	28,32	4,37	3,46	12,25	2,28	3,24	4,30
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	11,89	0,24	1,19	1,00	1,15	1,00	0,51	1,59	1,58	0,58	1,13	1,81	0,11
	- Đất cơ sở y tế	8,49	0,10	0,06	0,15	0,33	1,61	0,19	0,07	2,27	0,19	0,16	2,80	0,56
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	84,90	1,32	2,67	2,08	2,70	6,81	3,27	1,42	15,05	27,35	2,47	14,85	4,91
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	12,05	0,60	-	1,04	-	1,64	0,70	2,08	1,38	1,03	2,69	0,89	-
	- Đất công trình năng lượng	131,79	0,28	0,05	79,17	11,10	-	2,25	0,27	0,45	1,30	0,31	35,66	0,95
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,61	0,01	0,01	0,99	0,02	0,08	0,05	0,01	0,26	0,03	0,09	0,66	0,40
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	-	-	-	15,39	-	-	0,02	-	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,23	0,14	-	-	-	-	0,14	-	-	-	-	0,30	82,65
	- Đất cơ sở tôn giáo	30,28	2,36	2,79	1,09	0,25	3,77	2,20	3,94	0,60	2,41	-	3,66	7,21
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	216,51	12,84	7,52	3,17	1,45	5,73	121,98	13,03	12,40	7,88	5,94	12,32	12,25
	- Đất chợ	4,04	-	-	0,22	0,04	0,28	-	1,77	0,15	-	-	0,77	0,81
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,64	0,46	0,09	1,53	0,40	1,09	0,34	0,31	0,56	0,36	0,03	1,07	0,40
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	8,84	-	0,17	1,01	-	-	-	1,11	4,49	-	-	2,06	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	938,19	60,95	58,71	39,57	22,02	94,38	111,50	102,39	187,20	78,22	37,94	-	145,31
2.12	Đất ở tại đô thị	177,54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	177,54	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	18,49	0,38	0,85	0,65	1,88	1,09	0,76	0,29	1,70	1,17	0,80	8,43	0,49
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	15,14	-	-	-	5,21	5,49	0,12	-	0,21	-	0,48	3,63	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,39	3,05	1,80	0,39	0,16	-	0,76	2,38	1,75	1,60	0,50	0,88	0,12
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.718,62	167,49	94,95	459,23	129,00	194,52	174,88	68,36	13,55	114,61	153,82	120,37	27,84
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.892,16	-	-	820,31	11.912,34	873,51	24,42	-	-	-	-	261,58	-

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021	Kết quả đã đang thực hiện		
			Diện tích	So sánh với kế hoạch	
				Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	88.162,85	88.361,91	199,06	100,23
1.1	Đất trồng lúa	1.219,61	1.336,33	116,72	109,57
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.259,43	1.265,98	6,55	100,52
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.078,74	2.106,06	27,32	101,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.471,92	11.494,39	22,47	100,20
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	11,57	-	100
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.102,75	64.102,75	0,00	100
1.6	Đất rừng sản xuất	7.728,94	7.793,40	64,46	100,83
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.194,43	1.191,86	-2,57	99,78
1.8	Đất nông nghiệp khác	354,89	325,55	-29,34	91,73
2	Đất phi nông nghiệp	20.751,59	20.552,53	-199,06	99,04
2.1	Đất quốc phòng	244,47	217,47	-27,00	88,96
2.2	Đất an ninh	10,73	10,73	-	100
2.3	Đất khu công nghiệp	160,77	160,77	-	100
2.4	Đất cụm công nghiệp	314,50	314,50	-	100
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	84,06	59,79	-24,27	71,13
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	327,59	310,18	-17,41	94,69
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	667,69	592,49	-75,20	88,74
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.966,90	1.934,15	-32,75	98,33
	- Đất giao thông	1.148,18	1.126,46	-21,72	98,11
	- Đất thủy lợi	72,09	70,32	-1,77	97,54
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	11,01	11,25	0,24	102,18
	- Đất cơ sở y tế	8,58	8,58	-	100
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	93,30	91,10	-2,20	97,64
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	17,42	14,56	-2,86	83,58
	- Đất công trình năng lượng	260,20	259,94	-0,26	99,90
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,61	2,61	-	100
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	15,41	-	100
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	83,09	83,09	-	100

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2021	Kết quả đã đang thực hiện		
			Diện tích	So sánh với kế hoạch	
				Tăng(+) giảm(-)	Tỷ lệ (%)
	- Đất cơ sở tôn giáo	34,51	30,28	-4,23	87,74
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	216,45	216,51	0,06	100,03
	- Đất chợ	4,05	4,04	-0,01	99,75
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	8,89	8,89	0,00	100,00
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	13,71	8,84	-4,87	64,48
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.085,34	1.072,27	-13,07	98,80
2.12	Đất ở tại đô thị	177,49	177,31	-0,18	99,90
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	16,83	17,20	0,37	102,20
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	12,80	12,63	-0,17	98,67
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,34	13,34	-	100
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.760,47	1.753,98	-6,49	99,63
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.886,01	13.887,99	1,98	100,01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
I. DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN								
1. Dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai (đã được cấp thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).								
1	Trung tâm giáo dục quốc phòng an ninh	CQP	Tân An	14,04	2015	x	Hoàn thành	Quyết định giao đất số 4854/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh
2	Trường TH-THCS Sao Mai	DGD	Thanh Phú	0,5	2020		Hoàn thành	Đã được UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích tại Quyết định số 1247/QĐ-UBND ngày 16/4/2021
3	Mỏ đá Thiện Tân 2	SKX	Thiện Tân	10,26	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã chuyển mục đích 10,26 ha tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 6.824,6 m ² đất và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 86.348,5 m ² đất. Công ty xin chuyển tiếp phần diện tích 0,94 ha này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
4	Mỏ đá Thiện Tân 4	SKX	Thiện Tân	33,57	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã có quyết định CMĐ 0,77 ha của UBND tỉnh tại Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 11/6/2021
5	Đường dây 500 KV Vĩnh Tân rẽ Sông Mỹ - Tân Uyên	DNL	Các xã	1,02	2016	x	Hoàn thành	Đã có quyết định thu hồi đất toàn bộ dự án còn 04 hộ hỗ trợ mua lô nền tái định cư
2. Dự án đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư								
6	Công an xã Hiếu Liêm	CAN	Hiếu Liêm	0,08	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
7	Trụ sở công an xã Mã Đà	CAN	Mã Đà	0,2	2017	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
8	Trụ sở công an Phú Lý	CAN	Phú Lý	0,2	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
9	Trụ sở công an xã Thanh Phú	CAN	Thanh Phú	0,33	2016	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
10	Trụ sở công an xã Vĩnh Tân	CAN	Vĩnh Tân	0,05	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
11	Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu	CQP	Hiếu Liêm	49	2015	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020, hiện nay đang tiếp tục thu hồi; đã chi trả 13 hộ/26,3 ha còn lại 4 hộ/22,6 ha chưa chi trả tiền bồi thường
12	Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu công nghiệp	CQP	Thanh Phú	0,97	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
13	Trường MN Bình Lợi	DGD	Bình Lợi	1	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong và đang thực hiện thủ tục giao đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Quyết định thu hồi đất từ số 5424/QĐ-UBND đến số 5425 /QĐ-UBND ngày 23/12/2019
14	Trường tiểu học Hiếu Liêm	DGD	Hiếu Liêm	0,9	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án được xây dựng trên diện tích đất trường TH Hiếu Liêm cũ đã được cấp GCN QSDĐ; không tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất đai
15	Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2)	DGD	Phú Lý	1,1	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai và đã quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục; Quyết định thu hồi đất từ số 63/QĐ-UBND đến số 68/QĐ-UBND ngày 16/01/2020
16	Mở rộng trường MN (cơ sở chính)	DGD	Vĩnh Tân	0,7	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
17	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	DGT	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An	50	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã phê duyệt phương án bồi thường 1.585 hộ; còn lại 81 hộ chưa duyệt (QĐ: 4347/QĐ-UBND đến QĐ 6206/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện; QĐ: 6440/QĐ-UBND đến QĐ 6583/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện; QĐ: 1156/QĐ-UBND đến QĐ1404/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện)
18	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thới Sơn	DSH	Bình Hòa	0,15	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
19	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4 Bình Lợi	DSH	Bình Lợi	0,07	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
20	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	DSH	Bình Lợi	0,2	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
21	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Hiếu Liêm	DSH	Hiếu Liêm	0,2	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
22	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Hiếu Liêm	DSH	Hiếu Liêm	0,6	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
23	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Mã Đà	DSH	Mã Đà	0,05	2017	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
24	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Mã Đà	DSH	Mã Đà	0,05	2017	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
25	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Tân An	DSH	Tân An	0,03	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
26	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Tân An	DSH	Tân An	0,06	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
27	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Tân An	DSH	Tân An	0,03	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
28	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bình Trung (mở rộng)	DSH	Tân An	0,03	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
29	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái An (mở rộng)	DSH	Tân An	0,02	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
30	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bình Chánh	DSH	Tân An	0,05	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
31	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bình Ý	DSH	Tân Bình	0,05	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
32	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Vĩnh Hiệp	DSH	Tân Bình	0,05	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
33	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Thạnh Phú	DSH	Thạnh Phú	0,05	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
34	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7 Thạnh Phú	DSH	Thạnh Phú	0,05	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
35	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Thạnh Phú	DSH	Thạnh Phú	0,1	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
36	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Thạnh Phú	DSH	Thạnh Phú	0,05	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
37	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6 Thanh Phú	DSH	Thanh Phú	0,05	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
38	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Vĩnh Tân	DSH	Vĩnh Tân	0,07	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
39	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Vĩnh Tân	DSH	Vĩnh Tân	0,05	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
40	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Vĩnh Tân	DSH	Vĩnh Tân	0,06	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
41	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6 Vĩnh Tân	DSH	Vĩnh Tân	0,13	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
42	Hệ thống thủy lợi (Bể nước, trạm bơm)	DTL	Hiếu Liêm	0,25	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
43	Trạm cấp nước sạch	DTL	Hiếu Liêm	0,1	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
44	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	DTL	Mã Đà	0,14	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Còn 01 hộ chưa hoàn thành công tác bồi thường; Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND
45	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	ONT	Hiếu Liêm	42,43	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã bàn giao mặt bằng 84 hộ/27,06 ha; còn lại 76 hộ/7,46 ha đang điều chỉnh ranh thu hồi đất; Quyết định thu hồi đất từ số 6964/QĐ-UBND đến số 7094 /QĐ-UBND ngày 30/11/2017; Thông báo thu hồi đất số 2053/TB-UBND đến Thông báo số 2097/TB-UBND ngày 11/9/2018

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
46	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	ONT	Tân An	23,48	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư; đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; Hiện nay, Công ty đã thỏa thuận đền bù xong với các hộ dân trong ranh dự án với tổng diện tích là: 197.217,8 m ² (đạt 87% diện tích dự án)
47	Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng). □	ONT	Thạnh Phú	16,76	2016	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã hoàn tất bồi thường 176 hộ/12,5 ha; còn lại 90 hộ/4,21 ha đang thực hiện bồi thường; Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND
48	Khu dân cư (Công ty CP Tín Khải)	ONT	Thạnh Phú	39,07	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/HĐND ngày 08/12/2021
49	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BĐS Trịnh Vũ Giáp)	ONT	Thạnh Phú	5,62	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang thu hồi; đã ban hành 06 quyết định kiểm kê bắt buộc; Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu
50	Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An-huyện Vĩnh Cửu)	SKK	Tân An	58,6	2015	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Diện tích đã được giải ngân và bàn giao mặt bằng cho Khu công nghiệp 305.892 m ² . Bao gồm: diện tích đã được cấp sổ 112.447 m ² (đã cho cho doanh nghiệp thuê lại 47.390 m ² , diện tích còn lại 65.057 m ² chưa đưa vào sử dụng. Lý do không liên khoảnh liền thửa
51	Khu công nghiệp Thạnh Phú	SKK	Thạnh Phú	45	2015	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Diện tích đã hoàn tất bồi thường GPMB là 68,81 ha với 197 hộ dân; Diện tích còn lại phải tiếp tục thực hiện bồi thường là 51,57 ha, bao gồm 209 hộ dân, 07 tổ chức và toàn bộ đất đường giao thông dân sinh trong Khu công nghiệp Thạnh Phú do UBND xã Thạnh Phú quản lý
52	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú -Thiện Tân	SKN	Thạnh Phú	3	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang thu hồi; có 03 hộ/0,9 ha đề nghị thu hồi hết; Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND huyện Vĩnh Cửu về chấp thuận chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
53	Cụm CN Thiện Tân	SKN	Thiện Tân	48,9	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang thu hồi (đã thu hồi 42,79 ha); đang thẩm định nhu cầu SDD; đã bàn giao mặt bằng 62 hộ/41,49 ha; còn lại 06 hộ/4,7 ha đang lập thủ tục cưỡng chế
54	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân)	SKN	Thiện Tân	1,48	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã được UBND huyện xác nhận bồi thường tại Văn bản số 528/UBND-KT ngày 28/01/2019 và đã gửi hồ sơ xin thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào đầu năm 2020 nhưng đến nay chưa có kết quả
55	Nạo vét Rạch Mọi	SON	Các xã	4,68	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã phê duyệt 97 hộ/2,03 ha; chưa phê duyệt 39 hộ/1,76 ha; Quyết định thu hồi đất từ số 7217/QĐ-UBND đến số 7342/QĐ-UBND ngày 08/12/2020
II. DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN								
1. Dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư								
56	Trường MN Thiện Tân	DGD	Thiện Tân	0,96	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công trình trường MN Thiện Tân; được ghi vốn đầu tư công trung hạn năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
57	Trường MN Sơn Ca	DGD	TT.Vĩnh An	1,2	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường MN Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo); được ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
58	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	DGD	TT.Vĩnh An	0,91	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
59	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thanh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thanh Phú theo quy hoạch	DGT	Thanh Phú	0,1	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định chủ trương đầu tư số 452/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Chủ đầu tư đo vẽ, cắm mốc
60	Đường Kỳ Lân	DGT	Thiện Tân	4	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
61	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	DNL	Hiếu Liêm	92,23	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021
62	Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Trị An- Phú Giáo	DNL	Hiếu Liêm	0,06	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	- Quyết định giao vốn: số 475/QĐ-EVN SPC ngày 15/3/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 cho Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam. - Quyết định số 2093/QĐ-EVN SPC ngày 28/6/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình. - Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vĩnh Cửu. - Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai. - Chưa thực hiện do Tình hình dịch Covid- 19 diễn biến phức tạp, chưa phối hợp với địa phương thực hiện các thủ tục GPMB.
63	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	DNL	Hiếu Liêm	38,18	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
64	Đường dây 110 kV Định Quán 2 -Vĩnh An	DNL	TT.Vĩnh An	0,48	2017	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	- Văn bản số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định số 1037/QĐ-EVN SPC ngày 08/5/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Đang lựa chọn nhà thầu
65	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	DTL	Trị An	0,05	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng công tác thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ chưa hoàn thành thủ tục theo quy định; Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2950/QĐ-UBND ngày 23/8/2018, kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; dự án chưa rõ ràng về nguồn tài chính, thủ tục để bồi thường tiếp hoặc thủ tục để đầu tư; Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/HĐND ngày 08/12/2021
66	Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trị An (Cty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Chí Phú)	NKH	Trị An	1,13	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã được UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 31/5/2020; Đang xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục
67	Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên)	ONT	Tân Bình	2,7	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về chủ trương thực hiện dự án
68	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	ONT	Thạnh Phú	6,76	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định chủ trương đầu tư số 2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư
69	Mỏ đá Thạnh Phú 1	SKX	Thạnh Phú, Thiện Tân	29,66	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1048/GP-UBND ngày 14/6/2016.; đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
70	Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5	SKX	Thiện Tân	21,56	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định số 1043/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 03/4/2020; Công ty đã thỏa thuận bồi thường được khoảng 139.619,6m2. Giai đoạn 1 đã ký hợp đồng thuê đất 4,95 ha
71	Mỏ đá Thiện Tân 8	SKX	Thiện Tân	26,1	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định chủ trương đầu tư số 3902/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
72	Nạo vét Rạch Đông	SON	Tân An	60,5	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư một số dự án; trong đó có dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu. Đang lập báo cáo đánh giá tác động môi trường
73	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	DNL	Trị An, TT Vĩnh An	0,26	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	- Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai do đang lựa chọn nhà thầu
	2. Dự án đã được cấp thẩm quyền thông báo thu hồi đất							

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
74	Trường THCS Mã Đà	DGD	Mã Đà	1,53	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Thông báo thu hồi đất từ số 834/TB-UBND đến số 840/TB-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định số 166/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trường Tiểu học - THCS Mã Đà; có ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
75	Đường Bình Ninh	DGT	Bình Lợi	0,67	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
76	Đường nội đồng cây Gõ	DGT	Bình Lợi	0,45	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
77	Đường nội đồng giáo Tùng	DGT	Bình Lợi	0,65	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
78	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 9	DGT	Tân Bình	10,5	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Thông báo thu hồi đất từ số 1821/TB-UBND đến số 2406/TB-UBND ngày 31/12/2020: Đã hoàn thiện công tác kiểm kê, xác nhận và thẩm tra nguồn gốc đất, định giá đất cụ thể, áp giá, trình thẩm định và thông qua phương án bồi thường
79	Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thạnh Phú 1 và Thiện Tân 2	DGT	Thiện Tân	1,14	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/HĐND ngày 08/12/2021
80	Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp (phần diện tích còn lại 18,9 ha)	DRA	Vĩnh Tân	18,9	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã hoàn tất công tác bồi thường giai đoạn 1 là 51.580,5m ² ; Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND (hiện nay chủ đầu tư đang lập lại thủ tục chủ trương đầu tư)

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
81	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	DTL	Thanh Phú	1	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/HĐND ngày 08/12/2021
82	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	DTT	Mã Đà	1,7	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu vv chấp thuận chủ trương đầu tư; đang thu hồi đất - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
83	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	DTT	TT.Vĩnh An	0,86	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi và điều chỉnh ranh thiết kế của dự án; Thông báo thu hồi đất từ số 652/TB-UBND đến số 669/TB-UBND ngày 26/7/2019
84	Trạm y tế xã Mã Đà	DYT	Mã Đà	0,26	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang thu hồi đất; Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 về việc củng cố hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Mã Đà
85	Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP)	SKC	Tân An	9,69	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Công ty đã thỏa thuận bồi thường 96.884,6 m2; Hiện đang lập hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư nhưng gặp vướng mắc giữa điểm b, Khoản 1, Khoản 2, khoản 3, Điều 49 Luật Kinh doanh bất động sản và Điều 55, 59, 66 Luật Khoáng sản và Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
86	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO)	SKN	Tân An	48,82	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Ngày 24 và 25/6/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu thay mặt Hội đồng bồi thường đã tổ chức họp dân triển khai kế hoạch thu hồi đất và phổ biến thông báo thu hồi đất của UBND huyện Vĩnh Cửu để thực hiện dự án, đồng thời tiến hành kiểm đếm tài sản (Đợt 1) cho 29 hộ dân, với tổng diện tích 158.346m ² (Đạt 35,5% diện tích dự án).
87	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	SKN	Vĩnh Tân	54,8	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Còn 02 trường hợp chưa kiểm đếm và 11.558,0m ² đất do UBND xã Vĩnh Tân quản lý chưa thống nhất phương án xử lý; hiện nay chủ đầu tư Cty TNHH An Thiên Lý đang xin chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư; Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/HĐND ngày 08/12/2021
88	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 7	DGT	Tân Bình, Bình Lợi	9,1	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Thông báo thu hồi đất từ số 1014/TB-UBND đến số 1353/TB-UBND ngày 25/11/2020 và Thông báo thu hồi đất từ số 1454/TB-UBND đến số 1657/TB-UBND ngày 25/11/2020; đã kiểm đếm 471 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 438/CT-ĐGD ngày 27/5/2021. Hiện đang chờ Sở Tài chính ban hành văn bản thẩm định giá đất và chuyển qua Sở Tài nguyên - Môi trường tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt đơn giá đất để tính tiền bồi thường.
89	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 15	DGT	Thanh Phú và Bình Lợi	9,6	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	UBND tỉnh đã phê duyệt phương án thi công tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/5/2021
90	Đường Vĩnh Tân - Tân An	DGT	Vĩnh Tân và Tân An	3	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Các Thông báo thu hồi đất ngày 03/7/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Vĩnh Tân - Tân An (GĐ 1); Đã phê duyệt giá đất cụ thể tại Quyết định số 4975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
91	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	NKH	Phú Lý	27,35	2017	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Chủ đầu tư đang lập lại thủ tục gia hạn đầu tư
92	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	NKH	Phú Lý	12,16	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Chủ đầu tư đang lập lại thủ tục gia hạn đầu tư
93	Cơ sở giết mổ tập trung (khu phố 6)	SKC	TT.Vĩnh An	1,26	2015	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
94	Mỏ đá Thiện Tân 9	SKX	Thiện Tân	30,7	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã được UBND huyện xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 6766/UBND-KT ngày 08/11/2019 với diện tích 98,846,3 m2; đến nay chưa lập thủ tục thuê đất
III. DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN								
95	Công trình quốc phòng (DA1)- Bộ CHQST	CQP	Thiện Tân	5,70	2017	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Ngày 16/4/2021 UBND tỉnh có ban hành Văn bản số 344/UBND-KTN về giải trình nội dung đề nghị điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 báo cáo Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 1048/BTL-TM, ngày 12/4/2021 về điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất công trình ĐAI theo Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp tục đăng ký KHSĐĐ năm 2022 tại Văn bản số 2029/BCH-TM ngày 13/8/2021

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
96	Trường bắn BB	CQP	Tân An	21,30	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 5211/QĐ-BQP ngày 12/11/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (công trình Bộ duyệt); chưa triển khai thực hiện do UBND tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn năm 2021 do đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tiếp tục đăng ký ghi vốn đầu tư công theo nội dung Văn bản số 2987/SKHĐT-TĐ ngày 29/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp tục đăng ký KHSĐĐ năm 2022 tại Văn bản số 2029/BCH-TM ngày 13/8/2021
97	Trụ sở làm việc Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel	TMD	Thanh Phú	0,05	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
98	Trạm xăng dầu Thanh Phú	TMD	Thanh Phú	0,10	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
99	Nhà kho chứa thiết bị (công ty TNHH Đào Cát Tường)	SKC	Tân An	6,64	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện; Chủ đầu tư đang xin lập lại thủ tục chủ trương đầu tư
100	Nhà kho chứa các sản phẩm (Công ty TNHH Việt Mỹ I)	SKC	Tân An	0,20	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã hết hạn chủ trương đầu tư; Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
101	Trường TH Tân Phú xã Thanh Phú (địa điểm mới ấp 1)	DGD	Thanh Phú	2,20	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi; đang triển khai công tác lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/01/2021
102	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	DGT	Vĩnh Tân và Trị An	1,50	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
103	Đường ấp 3 xã Tân An	DGT	Tân An	4,50	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang trình chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
104	Dự án đầu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ	DGT	TT.Vĩnh An	0,80	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang trình chủ trương đầu tư
105	Mở rộng đường Cây Gõ	DGT	Thanh Phú	0,5	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện
106	Đường nối từ Hương lộ 15 đến Khu dân cư Miền Đông (Đường N3 dưới tuyến đường điện cao thế)	DGT	Thanh Phú	4,30	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
107	Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà	DGT	Mã Đà	2,36	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
108	Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm	DGT	Hiếu Liêm	3,40	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
109	Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3)	DGT	TT.Vĩnh An	2,39	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
110	Nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung	DGT	TT.Vĩnh An	0,30	2020		Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Chủ trương không thực hiện tại Văn bản số 3686/UBND-KT ngày 24/6/2020 của UBND huyện
111	Vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762)	DGT	TT.Vĩnh An	1,68	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc triển khai thực hiện NQ số 156/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C trên địa bàn huyện
112	Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom)	DGT	Tân An	1,20	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
113	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú (đường N4, D4, D5)	DGT	Thanh Phú	2,17	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
114	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (công viên cây xanh)	DKV	Thạnh Phú	4,87	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
115	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (khu văn hóa thể thao)	DTT	Thạnh Phú	2,86	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
116	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	DGT	Bình Lợi	1,06	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai
117	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	DTL	Tân An	0,04	2016	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Chủ đầu tư chưa hoàn tất công tác điều chỉnh ranh; Quyết định số 5439/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh Quyết định số 1514/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của UBND huyện về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước khu tái định cư 3,8 ha xã Tân An; Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện; Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/HĐND ngày 08/12/2021
118	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung Tân An	DTL	Tân An	1,00	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án điều chỉnh chỉ xây dựng đường ống nước từ nhà máy nước Thiện Tân trong phần lộ giới đã thu hồi của đường Cộ cây xoài và không xây dựng trạm xử lý; không thực hiện thủ tục về đất nên không cần đưa vào KHSĐĐ
119	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	DTL	Thiện Tân	0,80	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
120	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thanh Phú	SON	Thanh Phú	7,00	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	- Quyết định số 1893/QĐ-UBND Ngày 10/7/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu. - Thông báo số 2756/SKHĐT-TĐ ngày 18/7/2018 về việc thông báo điều chỉnh , bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2018 đến nay dự án đang trong giai đoạn thiết kế - BQLDA tỉnh đang cùng Sở Xây dựng điều chỉnh chủ trương dự án (Ngày 26/10/2020 Sở Xây dựng có Tờ trình số 5725/TTr-SXD gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tuyến thoát nước khu vực trung tâm xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu); - Dự án quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện (hiện nay Chủ đầu tư đang lập lại chủ trương đầu tư)
121	Chợ Phú Lý	DCH	Phú Lý	0,19	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
122	Khu dân cư kết hợp tái định cư, thương mại dịch vụ ấp Ông Hường	ONT	Thiện Tân	5,80	2016	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện và đang vướng mắc trong việc xử lý Kết luận thanh tra số 7259/KL-UBND ngày 11/9/2007 của UBND tỉnh
123	Khu dân cư (Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà)	ONT	Thanh Phú, Tân Bình	38,77	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã hết hạn chủ trương đầu tư hiện nay UBND huyện đã có Văn bản số 7726/UBND-KT ngày 18/12/2020 gửi UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề xuất chấm dứt quyết định chủ trương đầu tư của dự án; Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hi
124	Giáo xứ Hiếu Liêm	TON	Hiếu Liêm	0,43	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
125	Chùa Giác Pháp	TON	Mã Đà	0,25	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
126	Giáo xứ Thạch An	TON	Vĩnh Tân	0,01	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
127	Giáo xứ Phú Lý	TON	Phú Lý	1,04	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
128	Hội thánh tin lành Chi hội Tân Thành (Chi hội Tin Lành Tân Thành)	TON	Bình Hòa	0,02	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
129	Chùa Bửu Lâm	TON	Bình Hòa	0,17	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
130	Tịnh thất Thiên Môn	TON	Bình Hòa	0,17	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
131	Chùa Tân Sơn	TON	Thạnh Phú	0,12	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
132	Chùa Vân Sơn	TON	Thiện Tân	0,17	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
133	Tịnh xá Niết Bàn	TON	TT.Vĩnh An	0,03	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
134	Thiền tự Nhất Quang	TON	TT.Vĩnh An	0,15	2019	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
135	Chùa Tường Quang	TON	Vĩnh Tân	0,36	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
136	Tổ đình Quốc Ân Kim Cang (mở rộng)	TON	Tân Bình	0,11	2019	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
137	Chùa Linh Sơn	TON	Vĩnh Tân	0,30	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Đã liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục giao đất nhưng do không trùng khớp diện tích nên phải điều chỉnh diện tích thu hồi đất
138	Chi hội Tin Lành Phú Lý	TON	Phú Lý	0,07	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
139	Chi hội Tin Lành Hiếu Liêm	TON	Hiếu Liêm	0,81	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
140	Niệm phật đường Phước An	TON	TT.Vĩnh An	0,19	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất
141	Tịnh thất Viên Quang	TON	Vĩnh Tân	0,72	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất
142	Trạm kiểm lâm địa bàn Hiếu Liêm	DTS	Hiếu Liêm	0,05	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND
143	Trạm kiểm lâm địa bàn Phú Lý	DTS	Phú Lý	0,09	2017	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Đã hợp đồng trích lục và đo vẽ BĐĐC; UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 về việc đính chính Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/01/2021, sau khi có Quyết định này chủ đầu tư mới thực hiện các bước tiếp theo của dự án, hiện tại chủ đầu tư là Chi cục Kiểm lâm đang tiến hành thực hiện gói thầu khảo sát địa hình, địa chất và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt thì mới tiến hành xây dựng. Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
144	Trạm kiểm lâm địa bàn Mã Đà	DTS	Mã Đà	0,06	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Dự án đã được HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND
145	Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3)	SKX	Thiện Tân	55,48	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	Đang lập thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản theo ý kiến góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hoàn thiện thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư
146	Mỏ đá Thiện Tân 3	SKX	Thiện Tân	16,17	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1633/GP-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh
147	Mỏ đá Thiện Tân 1	SKX	Thiện Tân	4,00	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Giấy phép khai thác khoáng sản số 202/GP-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh; đã thương lượng 02/4 ha
148	Trang trại chăn nuôi heo (Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai)	NKH	Tân An	9,35	2018	x	Đưa ra khỏi KHSĐĐ	Công ty Cp Nông súc sản Đồng Nai có Văn bản số 19/NSSĐN ngày 16/8/2021 xin không tiếp tục thực hiện dự án
149	Đầu giá đất ở (thửa đất 194 tờ 40)	ODT	TT.Vĩnh An	0,31	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	
150	Đầu giá đất ở kết hợp với thương mại dịch vụ (thửa 123 tờ 55)	ODT	TT.Vĩnh An	0,37	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	
151	Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm (Công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo) (tên đăng ký là Khu đất Hợp tác xã Dịch vụ Chăn nuôi Hiếu Liêm tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 29)	TMD	Hiếu Liêm	0,29	2018	x	Chuyển tiếp sang năm 2022	
152	Khu đất đầu giá (2 khu: tờ 10 thửa 138 và tờ 5 thửa 412)	ONT	Bình Lợi	0,10	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
153	Khu đất đấu giá theo quy hoạch (4,82 ha Tân An)	SKC	Tân An	4,83	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	
154	Khu đất đấu giá (Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường)	TMD	TT. Vĩnh An, Mã Đà	23,38	2020		Chuyển tiếp sang năm 2022	
155	Trường Tiểu học Bình Lợi	DGD	Bình Lợi	0,80	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
156	Trạm y tế xã Bình Lợi	DYT	Bình Lợi	0,10	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
157	Phòng Tài nguyên và Môi trường	TSC	TT Vĩnh An	0,47	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
158	Trụ Sở UBND thị trấn	TSC	TT Vĩnh An	0,47	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
159	Sân bóng	DTT	Hiếu Liêm	0,65	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
160	Trung tâm nhà văn hóa xã	DVH	Hiếu Liêm	1,03	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
161	Trụ sở UBND xã	TSC	Hiếu Liêm	0,35	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
162	Trụ sở Quân sự xã	TSC	Hiếu Liêm	0,15	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
163	Sân vận động ấp 1	DTT	Hiếu Liêm	0,29	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Mục đích sử dụng	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Năm đưa vào KHSĐ	Dự án quá 03 năm	Đề xuất xử lý năm 2022	Ghi chú
164	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Hiếu Liêm	DSH	Hiếu Liêm	0,03	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
165	Trụ sở UBND xã Mã Đà	TSC	Mã Đà	0,35	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
166	Trung tâm học tập cộng đồng	DVH	Mã Đà	1,01	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
167	Trụ sở Quân sự xã	TSC	Mã Đà	0,15	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
168	Trụ Sở UBND xã Bình Hòa	TSC	Bình Hòa	0,66	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
169	Trung tâm Văn hóa xã Bình Hòa	DVH	Bình Hòa	1,19	2021		Chuyển tiếp sang năm 2022	Chưa thực hiện thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
I	LOẠI ĐẤT	108.914,44	1.525,54	671,64	20.950,32	40.108,42	27.899,83	5.266,18	1.108,65	1.354,36	2.282,75	1.848,13	3.140,18	2.758,44
1	Đất nông nghiệp	88.341,33	1.194,84	396,39	19.171,19	27.776,70	26.567,23	4.317,20	839,22	725,31	1.211,72	1.566,75	2.280,12	2.294,66
1.1	Đất trồng lúa	1.475,77	219,62	174,41	-	-	-	525,17	150,98	87,46	199,51	-	88,67	29,95
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1.273,16	211,63	175,41	-	-	-	523,78	109,79	82,19	143,12	-	-	27,24
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	2.057,04	117,37	27,61	97,44	52,75	242,36	189,19	71,81	227,89	273,58	81,97	378,18	296,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	11.376,09	836,91	193,20	783,27	479,01	2.283,27	1.889,35	607,77	390,10	499,79	744,65	1.427,08	1.241,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	11,57	-	-	-	-	-	-	-	-	11,57	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	64.102,75	-	-	16.738,52	24.950,31	22.413,92	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	7.748,98	-	-	1.469,69	2.244,12	1.482,54	1.222,06	-	-	124,03	722,91	149,43	334,20
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	2.221,47	-	-	846,92	656,76	717,79	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	1.203,45	16,06	1,17	41,80	43,24	35,14	395,55	8,40	17,69	99,24	3,99	169,39	371,78
1.8	Đất nông nghiệp khác	365,68	4,88	-	40,47	7,27	110,00	95,88	0,26	2,17	4,00	13,23	67,37	20,15
2	Đất phi nông nghiệp	20.573,11	330,70	275,25	1.779,13	12.331,72	1.332,60	948,98	269,43	629,05	1.071,03	281,38	860,06	463,78
2.1	Đất quốc phòng	243,50	17,15	60,69	87,13	-	3,04	35,34	1,48	11,01	24,78	-	2,88	-
2.2	Đất an ninh	10,49	-	-	-	0,20	-	-	-	-	0,42	-	9,87	-
2.3	Đất khu công nghiệp	219,89	-	-	-	-	-	53,33	-	166,56	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	259,19	-	-	-	-	-	113,14	-	-	146,05	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	67,98	0,31	0,43	0,59	22,99	0,80	1,09	5,12	4,52	1,73	0,12	23,79	6,49
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	334,29	8,94	11,18	1,14	1,06	4,37	73,86	-	27,53	145,98	16,63	21,58	22,02

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	551,95	-	-	-	-	-	10,98	-	63,07	399,02	-	17,82	61,06
2.8	Đất phát triển hạ tầng	1.963,96	70,68	42,06	334,19	235,96	152,45	291,29	84,00	124,41	153,25	69,06	207,85	198,76
	<i>Trong đó:</i>													
	- Đất giao thông	1.140,68	44,91	23,60	112,43	199,30	128,51	131,68	55,43	81,75	98,47	53,89	128,14	82,57
	- Đất thủy lợi	73,41	7,33	4,18	1,54	0,49	0,85	28,32	4,37	3,46	13,05	2,28	3,24	4,30
	- Đất cơ sở văn hoá	11,89	0,24	1,19	1,00	1,15	1,00	0,51	1,59	1,58	0,58	1,13	1,81	0,11
	- Đất cơ sở y tế	8,75	0,10	0,06	0,15	0,59	1,61	0,19	0,07	2,27	0,19	0,16	2,80	0,56
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	92,16	1,88	2,67	2,08	4,23	7,91	3,27	1,42	17,25	28,31	2,47	15,76	4,91
	- Đất cơ sở thể dục - thể thao	17,47	0,60	-	1,04	1,70	1,64	0,70	2,08	4,24	1,03	2,69	1,75	-
	- Đất công trình năng lượng	263,03	0,28	0,05	209,67	11,10	-	2,25	0,27	0,45	1,30	0,41	36,30	0,95
	- Đất công trình bưu chính viễn thông	2,61	0,01	0,01	0,99	0,02	0,08	0,05	0,01	0,26	0,03	0,09	0,66	0,40
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	15,41	-	-	-	15,39	-	-	0,02	-	-	-	-	-
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	84,23	0,14	-	-	-	1,00	0,14	-	-	-	-	0,30	82,65
	- Đất cơ sở tôn giáo	33,79	2,36	2,79	1,90	0,50	3,84	2,20	3,94	0,60	2,41	-	4,00	9,25
	- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	216,49	12,83	7,51	3,17	1,45	5,73	121,98	13,03	12,40	7,88	5,94	12,32	12,25
	- Đất chợ	4,04	-	-	0,22	0,04	0,28	-	1,77	0,15	-	-	0,77	0,81
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	6,62	0,44	0,09	1,53	0,40	1,09	0,34	0,31	0,56	0,36	0,03	1,07	0,40
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	13,71	-	0,17	1,01	-	-	-	1,11	9,36	-	-	2,06	-
2.11	Đất ở tại nông thôn	1.038,62	62,31	58,91	82,70	22,72	95,34	135,44	105,82	204,82	84,02	39,94	-	146,60
2.12	Đất ở tại đô thị	178,76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	178,76	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,36	0,37	0,85	0,65	1,68	1,09	0,76	0,29	1,70	0,75	0,80	7,93	0,49
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	16,04	-	-	-	5,21	6,39	0,12	-	0,21	-	0,48	3,63	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	13,39	3,05	1,80	0,39	0,16	-	0,76	2,38	1,75	1,60	0,50	0,88	0,12
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.749,76	167,45	99,07	454,05	129,00	194,52	208,11	68,92	13,55	113,07	153,82	120,36	27,84
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	13.887,60	-	-	815,75	11.912,34	873,51	24,42	-	-	-	-	261,58	-

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN VINH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	698,20	11,54	4,14	207,90	6,80	4,53	185,35	9,15	78,95	152,93	9,09	21,38	6,44
1.1	Đất trồng lúa	55,92	1,60	2,01	-	-	-	6,88	0,72	11,97	29,03	-	1,71	2,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	27,88	1,60	1,67	-	-	-	6,54	0,14	3,86	12,57	-	-	1,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	123,70	1,19	0,49	17,36	1,16	2,40	6,91	2,72	18,00	69,88	-	2,57	1,02
1.3	Đất trồng cây lâu năm	311,06	8,75	1,64	85,31	4,59	2,13	95,17	5,69	48,98	33,37	9,09	13,12	3,22
1.4	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	181,37	-	-	95,38	1,05	-	63,08	-	-	18,45	-	3,21	0,20
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	23,22	-	-	6,92	-	-	13,31	0,02	-	2,20	-	0,77	-
1.7	Đất nông nghiệp khác	2,93	-	-	2,93	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	33,00	2,30	1,30	2,00	2,00	2,00	4,50	2,30	1,30	3,30	3,00	4,50	4,50
	<i>Trong đó:</i>	-												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	10,00	2,00	1,00	-	-	-	1,00	2,00	1,00	1,00	-	1,00	1,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,00	0,30	0,30	-	-	-	0,50	0,30	0,30	0,30	-	0,50	0,50
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	20,00	-	-	2,00	2,00	2,00	3,00	-	-	2,00	3,00	3,00	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	1,68	-	-	-	-	-	0,15	0,31	0,25	0,20	-	0,68	0,09

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	798,80	11,28	4,44	189,99	27,22	4,51	177,12	8,68	98,83	241,24	8,35	21,31	5,83
1.1	Đất trồng lúa	174,84	3,58	2,21	-	-	-	20,60	1,56	34,94	107,67	-	2,28	2,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	47,46	0,62	1,71	-	-	-	-	0,15	13,04	31,94	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	63,12	3,73	0,98	5,33	-	1,40	12,86	3,31	12,63	19,07	0,25	2,55	1,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	316,55	3,97	1,25	81,14	23,24	3,11	88,32	3,81	51,25	34,81	8,10	14,93	2,62
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90	-	-	5,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	235,55	-	-	94,91	3,98	-	55,22	-	-	79,69	-	1,55	0,20
1.7	Đất nông nghiệp khác	2,84	-	-	2,71	-	-	0,12	-	0,01	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	123,00	10,20	10,20	5,10	5,00	5,10	18,50	10,30	13,20	12,30	6,10	13,50	13,50
	<i>Trong đó:</i>	-												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	100,00	10,00	10,00	3,00	3,00	3,00	15,00	10,00	13,00	10,00	3,00	10,00	10,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,00	0,20	0,20	0,10	-	0,10	0,50	0,30	0,20	0,30	0,10	0,50	0,50
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	20,00	-	-	2,00	2,00	2,00	3,00	-	-	2,00	3,00	3,00	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	1,68	-	-	-	-	-	0,20	0,31	0,20	0,20	-	0,68	0,09

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG TRONG NĂM 2022
HUYỆN VĨNH CỬU**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
	A. Các dự án, công trình sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			571,95	163,04	-	-	
	I. Các dự án chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2021			562,86	158,06	-	-	
	1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên.			207,64	107,21	-	-	
1	Cụm CN Thiện Tân	Thiện Tân	SKN	48,90	22,08	-	-	Đang thu hồi (đã thu hồi 42,79 ha); đang thẩm định nhu cầu SDD; đã bàn giao mặt bằng 62 hộ/41,49 ha; còn lại 06 hộ/4,7 ha đang lập thủ tục cưỡng chế
2	Mỏ đá Thạnh Phú 1	Thạnh Phú, Thiện Tân	SKX	29,66	20,87	-	-	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1048/GP- UBND ngày 14/6/2016.; đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
3	Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5	Thiện Tân	SKX	16,80	16,80	-	-	Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định số 1043/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 03/4/2020; Công ty đã thỏa thuận bồi thường được khoảng 139.619,6m ² . Giai đoạn 1 đã ký hợp đồng thuê đất 4,95 ha
4	Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3)	Thiện Tân	SKX	55,48	15,35	-	-	Đang lập thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản và hoàn thiện thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư
5	Mỏ đá Thiện Tân 9	Thiện Tân	SKX	30,70	16,21	-	-	Đã được UBND huyện xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 6766/UBND-KT ngày 08/11/2019 với diện tích 98,846,3 m ² ; đến nay chưa lập thủ tục thuê đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
6	Mỏ đá Thiện Tân 8	Thiện Tân	SKX	26,10	15,90	-	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 3902/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
	2. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha.			355,22	50,85	-	-	
7	Trường bắn BB	Tân An	CQP	21,30	1,63	-	-	Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 5211/QĐ-BQP ngày 12/11/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (công trình Bộ duyệt); chưa triển khai thực hiện do UBND tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn năm 2021 do đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tiếp tục đăng ký ghi vốn đầu tư công theo nội dung Văn bản số 2987/SKHĐT-TĐ ngày 29/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO)	Tân An	SKN	48,82	5,70	-	-	Ngày 24 và 25/6/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu thay mặt Hội đồng bồi thường đã tổ chức họp dân triển khai kế hoạch thu hồi đất và phổ biến thông báo thu hồi đất của UBND huyện Vĩnh Cửu để thực hiện dự án, đồng thời tiến hành kiểm đếm tài sản (Đợt 1) cho 29 hộ dân, với tổng diện tích 158.346m ² (Đạt 35,5% diện tích dự án).
9	Mỏ đá Thiện Tân 2	Thiện Tân	SKX	0,94	0,94	-	-	Đã chuyển mục đích 10,26 ha tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 6.824,6 m ² đất và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 86.348,5 m ² đất. Công ty xin chuyển tiếp phần diện tích 0,94 ha này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
10	Mỏ đá Thiện Tân 4	Thiện Tân	SKX	14,29	0,24	-	-	Đã có quyết định CMD 0,77 ha của UBND tỉnh tại Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 11/6/2021
11	Mỏ đá Thiện Tân 3	Thiện Tân	SKX	16,17	5,93	-	-	giấy phép khai thác khoáng sản số 1633/GP-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh
12	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	0,50	-	-	Các Thông báo thu hồi đất ngày 03/7/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Vĩnh Tân - Tân An (GĐ 1); Đã phê duyệt giá đất cụ thể tại Quyết định số 4975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020
13	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 15	Thạnh Phú và Bình Lợi	DGT	9,60	0,70	-	-	UBND tỉnh đã phê duyệt phương án thi công tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/5/2021
14	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 9	Tân Bình	DGT	10,50	0,50	-	-	Thông báo thu hồi đất từ số 1821/TB-UBND đến số 2406/TB-UBND ngày 31/12/2020; đã kiểm đếm 507 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 310/1/2021/VB-ĐGD ngày 4/5/2021
15	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 7	Tân Bình, Bình Lợi	DGT	9,10	0,74	-	-	Thông báo thu hồi đất từ số 1014/TB-UBND đến số 1353/TB-UBND ngày 25/11/2020 và Thông báo thu hồi đất từ số 1454/TB-UBND đến số 1657/TB-UBND ngày 25/11/2020; đã kiểm đếm 471 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 438/CT-ĐGD ngày 27/5/2021
16	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An	DGT	50,00	0,89	-	-	Đã phê duyệt bồi thường 1.555 hộ; còn lại 112 hộ chưa duyệt (QĐ: 4347/QĐ-UBND đến QĐ 6206/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện; QĐ: 6440/QĐ-UBND đến QĐ 6583/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện; QĐ: 1156/QĐ-UBND đến QĐ1404/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
17	Đường ấp 3 xã Tân An	Tân An	DGT	4,50	1,48	-	-	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
18	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	DGT	9,90	8,90	-	-	Đang trình chủ trương đầu tư
19	Đường Kỳ Lân	Thiện Tân	DGT	4,00	0,74	-	-	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
20	Đường Bình Ninh	Bình Lợi	DGT	0,67	0,67	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
21	Đường nội đồng cây Gõ	Bình Lợi	DGT	0,45	0,45	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
22	Đường nội đồng giáo Tùng	Bình Lợi	DGT	0,65	0,65	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
23	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	Bình Lợi	DGT	1,06	0,37	-	-	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai
24	Mở rộng đường Cây Gõ	Thạnh Phú	DGT	0,50	0,10	-	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
25	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Thiện Tân	DTL	0,80	0,35	-	-	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư
26	Nạo vét Rạch Mọi	Các xã	SON	4,68	2,07	-	-	Đã phê duyệt 97 hộ/2,03 ha; chưa phê duyệt 39 hộ/1,76 ha; Quyết định thu hồi đất từ số 7217/QĐ-UBND đến số 7342/QĐ-UBND ngày 08/12/2020
27	Nạo vét Rạch Đông	Tân An	SON	60,50	9,40	-	-	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư một số dự án; trong đó có dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu. Đang lập báo cáo đánh giá tác động môi trường
28	Đường dây 110 kV Định Quán 2 -Vĩnh An	TT.Vĩnh An	DNL	0,48	0,13	-	-	- Văn bản số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định số 1037/QĐ-EVN SPC ngày 08/5/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Đang lựa chọn nhà thầu
29	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	Thanh Phú	ONT	6,76	5,40	-	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
30	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BDS Trịnh Vũ Giáp)	Thanh Phú	ONT	5,62	4,00	-	-	Đang thu hồi; đã ban hành 06 quyết định kiểm kê bắt buộc; Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu
31	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	Hiếu Liêm	DNL	92,23	-	5,90	-	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021
	II. Các dự án bổ sung mới			9,09	4,98	-	-	
	1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa từ 10 ha trở lên; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng từ 20 ha trở lên.			-	-	-	-	
	2. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa dưới 10 ha; dự án có sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng dưới 20 ha			9,09	4,98	-	-	
32	Mỏ đá Thiện Tân 7	Thiện Tân	SKX	6,5	4,33	-	-	Giấy phép khai thác khoáng sản số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó:			Ghi chú
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc	
33	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	Trị An, TT Vĩnh An	DNL	0,26	0,02	-	-	- Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai đo đang lựa chọn nhà thầu
34	Đường Chu Văn An	TT.Vĩnh An	DGT	2,33	0,63	-	-	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025;
	B. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân			122,00	122,00			
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở	Các xã	ONT	5,00	5,00			
2	Chuyển đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	Các xã	CLN	100,00	100,00			
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất sản xuất phi nông nghiệp	Các xã	SKC	4,00	4,00			
4	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Các xã	NTS	3,00	3,00			
5	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Các xã	NKH	10,00	10,00			

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thanh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
1	Đất nông nghiệp	589,72	9,68	3,84	201,86	5,76	34,67	168,15	8,20	74,55	64,79	5,35	10,24	2,63
1.1	Đất trồng lúa	68,10	3,08	1,71	-	-	-	19,10	1,06	18,70	23,17	-	0,78	0,50
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	22,83	0,62	1,71	-	-	-	-	0,15	-	20,35	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	55,58	2,73	0,98	5,33	-	22,90	6,69	3,31	8,85	2,18	0,25	1,35	1,01
1.3	Đất trồng cây lâu năm	253,48	3,87	1,15	79,64	1,83	6,77	79,13	3,81	46,99	16,61	5,10	7,66	0,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	5,90	-	-	5,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng sản xuất	176,33	-	-	94,91	3,93	-	55,06	-	-	21,93	-	0,30	0,20
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	22,49	-	-	13,37	-	-	8,05	0,02	-	0,90	-	0,15	-
1.7	Đất nông nghiệp khác	7,84	-	-	2,71	-	5,00	0,12	-	0,01	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	57,12	0,60	0,28	18,45	0,34	0,06	15,32	0,64	9,90	3,13	0,74	2,21	1,28
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	18,39	-	0,14	0,70	-	-	14,11	-	3,04	0,40	-	-	-
2.2	Đất phát triển hạ tầng	15,76	-	0,02	11,60	-	-	0,07	-	3,64	0,43	-	-	-
	Trong đó:													
	- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,42	-	-	-	-	-	-	-	-	0,42	-	-	-
	- Đất giao thông	6,59	-	0,02	2,85	-	-	0,07	-	3,64	0,01	-	-	-
	- Đất thủy lợi	5,25	-	-	5,25	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Đất công trình năng lượng	3,50	-	-	3,50	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất ở tại nông thôn	11,89	0,23	0,12	4,90	0,34	0,06	1,14	0,53	3,21	0,62	0,74	-	-
2.4	Đất ở tại đô thị	1,31	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,31	-
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,43	-	-	-	-	-	-	0,11	-	0,19	-	0,13	-
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,07	-

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích thu hồi	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
			Bình Lợi	Bình Hòa	Hiếu Liêm	Mã Đà	Phú Lý	Tân An	Tân Bình	Thạnh Phú	Thiện Tân	Trị An	TT.Vĩnh An	Vĩnh Tân
2.7	Đất cơ sở tôn giáo	1,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,70	1,28
2.8	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,06	0,05	-	-	-	-	-	-	0,01	-	-	-	-
2.9	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	3,06	0,32	-	1,25	-	-	-	-	-	1,49	-	-	-
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	4,17	-	-	4,17	-	-	-	-	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
	I. Dự án thu hồi đất theo Điều 61 - Luật Đất đai			76,42	76,42		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			76,00	76,00		
1	Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu (gồm: Thao trường huấn luyện 15,19 ha và Căn cứ hậu cần kỹ thuật 33,81 ha)	Hiếu Liêm	CQP	49,00	49,00	I	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020, hiện nay đang tiếp tục thu hồi; đã chi trả 13 hộ/26,3 ha còn lại 4 hộ/22,6 ha chưa chi trả tiền bồi thường; Văn bản số 2197/BCH-TM ngày 27/8/2021 về việc thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật và Thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện.
2	Công trình quốc phòng (DA1)- Bộ CHQST	Thiện Tân	CQP	5,70	5,70	I	Ngày 16/4/2021 UBND tỉnh có ban hành Văn bản số 344/UBND-KTN về giải trình nội dung đề nghị điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 báo cáo Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 1048/BTL-TM, ngày 12/4/2021 về điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất công trình ĐAI theo Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3	Trường bắn BB	Tân An	CQP	21,30	21,30	I	Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 5211/QĐ-BQP ngày 12/11/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (công trình Bộ duyệt); chưa triển khai thực hiện do UBND tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn năm 2021 do đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tiếp tục đăng ký ghi vốn đầu tư công theo nội dung Văn bản số 2987/SKHĐT-TĐ ngày 29/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
	* Các dự án bổ sung năm 202			0,42	0,42		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
4	Trụ sở Công an xã Thiện Tân	Thiện Tân	CAN	0,42	0,42	I	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
	II. Dự án thu hồi đất theo khoản 2 Điều 62 - Luật Đất đai 2013			110,17	98,93		
	Điểm a - Dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị mới; dự án đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức			110,17	98,93		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			110,17	98,93		
5	Khu công nghiệp Thạnh Phú	Thạnh Phú	SKK	51,57	51,57	Ila	Diện tích đã hoàn tất bồi thường GPMB là 68,81 ha với 197 hộ dân; Diện tích còn lại phải tiếp tục thực hiện bồi thường là 51,57 ha, bao gồm 209 hộ dân, 07 tổ chức và toàn bộ đất đường giao thông dân sinh trong Khu công nghiệp Thạnh Phú do UBND xã Thạnh Phú quản lý
6	Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An- huyện Vĩnh Cửu)	Tân An	SKK	58,60	47,36	Ila	Diện tích đã được giải ngân và bàn giao mặt bằng cho Khu công nghiệp 305.892 m2. Bao gồm: diện tích đã được cấp sổ 112.447 m2 (đã cho cho doanh nghiệp thuê lại 47.390 m2, diện tích còn lại 65.057 m2 chưa đưa vào sử dụng. Lý do không liên khoảnh liền thửa
	Điểm b -Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc; hệ thống dẫn, chứa xăng dầu, khí đốt; kho dự trữ quốc gia; công trình thu gom, xử lý chất thải			-	-		

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
	III. Dự án thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 - Luật Đất đai 2013			535,89	434,74		
	Điểm a - Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương			10,98	10,98		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			10,08	10,08		
7	Trạm y tế xã Mã Đà	Mã Đà	DYT	0,26	0,26	a	Đang thu hồi đất; Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 về việc củng cố hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Mã Đà
8	Trường MN Bình Lợi	Bình Lợi	DGD	0,56	0,56	a	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Quyết định thu hồi đất từ số 5424/QĐ-UBND đến số 5425 /QĐ-UBND ngày 23/12/2019
9	Trường TH-THCS Mã Đà	Mã Đà	DGD	1,53	1,53	a	Thông báo thu hồi đất từ số 834/TB-UBND đến số 840/TB-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định số 166/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trường Tiểu học - THCS Mã Đà; có ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
10	Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2)	Phú Lý	DGD	1,10	1,10	a	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Quyết định thu hồi đất từ số 63/QĐ-UBND đến số 68/QĐ-UBND ngày 16/01/2020
11	Trường TH Tân Phú xã Thanh Phú (địa điểm mới ấp 1)	Thanh Phú	DGD	2,20	2,20	a	Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi; đang triển khai công tác lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/01/2021; được ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của HĐND huyện về Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trường TH Tân Phú

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
12	Trường MN Thiện Tân	Thiện Tân	DGD	0,96	0,96	a	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công trình trường MN Thiện Tân; được ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
13	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	TT.Vĩnh An	DGD	0,91	0,91	a	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi; đã xây dựng nhưng chưa làm thủ tục - Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
14	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	Mã Đà	DTT	1,70	1,70	a	- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu vv chấp thuận chủ trương đầu tư; đang thu hồi đất - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý
15	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DTT	0,86	0,86	a	Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi và điều chỉnh ranh thiết kế của dự án; Thông báo thu hồi đất từ số 652/TB-UBND đến số 669/TB-UBND ngày 26/7/2019
	* Các dự án bổ sung năm 2022			0,90	0,90		
16	Trạm Kiểm Lâm xã Phú Lý	Phú Lý	DTS	0,90	0,90	a	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nâng cao năng lực PCCC cho lực lượng kiểm lâm Đồng Nai GD 2016-220 và QĐ số 1579/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 Vv đính chính Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (đã ghi vốn thực hiện).

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
	Điểm b - Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải			307,01	221,14		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			303,09	217,82		
17	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Tân và Tân An	DGT	3,00	3,00	b	Các Thông báo thu hồi đất ngày 03/7/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Vĩnh Tân - Tân An (GĐ 1); Đã phê duyệt giá đất cụ thể tại Quyết định số 4975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020
18	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 15	Thanh Phú và Bình Lợi	DGT	9,60	5,30	b	UBND tỉnh đã phê duyệt phương án thi công tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/5/2021
19	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 9	Tân Bình	DGT	10,50	4,50	b	Thông báo thu hồi đất từ số 1821/TB-UBND đến số 2406/TB-UBND ngày 31/12/2020; đã kiểm đếm 507 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 310/1/2021/VB-ĐGD ngày 4/5/2021
20	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 7	Tân Bình, Bình Lợi	DGT	9,10	4,20	b	Thông báo thu hồi đất từ số 1014/TB-UBND đến số 1353/TB-UBND ngày 25/11/2020 và Thông báo thu hồi đất từ số 1454/TB-UBND đến số 1657/TB-UBND ngày 25/11/2020; đã kiểm đếm 471 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 438/CT-ĐGD ngày 27/5/2021
21	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An	DGT	50,00	12,00	b	Đã phê duyệt bồi thường 1.555 hộ; còn lại 112 hộ chưa duyệt (QĐ: 4347/QĐ-UBND đến QĐ 6206/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện; QĐ: 6440/QĐ-UBND đến QĐ 6583/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện; QĐ: 1156/QĐ-UBND đến QĐ1404/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
22	Đường ấp 3 xã Tân An	Tân An	DGT	4,50	2,10	b	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
23	Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DGT	3,40	1,74	b	Được bố trí vốn triển khai trong năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
24	Dự án đấu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ	TT.Vĩnh An	DGT	0,80	0,80	b	
25	Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà	Mã Đà	DGT	2,36	2,36	b	Đang trình chủ trương đầu tư
26	Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3)	TT.Vĩnh An	DGT	2,39	2,39	b	Đang trình chủ trương đầu tư
27	Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom)	Tân An	DGT	1,20	1,20	b	
28	Đường Kỳ Lân	Thiện Tân	DGT	4,00	3,40	b	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
29	Via hè tuyến đường ĐT.768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762)	TT.Vĩnh An	DGT	1,68	1,68	b	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc triển khai thực hiện NQ số 156/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C trên địa bàn huyện
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thạnh Phú đoạn đấu nối ra trục 16 xã Thạnh Phú theo quy hoạch	Thạnh Phú	DGT	0,10	0,10	b	Quyết định chủ trương đầu tư số 452/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Chủ đầu tư đo vẽ, cắm mốc

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
31	Đường Bình Ninh	Bình Lợi	DGT	0,67	0,67	b	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
32	Đường nội đồng cây Gõ	Bình Lợi	DGT	0,45	0,45	b	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
33	Đường nội đồng giáo Tùng	Bình Lợi	DGT	0,65	0,65	b	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
34	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	Bình Lợi	DGT	1,06	0,92	b	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai
35	Mở rộng đường Cây Gõ	Thanh Phú	DGT	0,50	0,50	b	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
36	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Thiện Tân	DTL	0,80	0,80	b	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư
37	Nạo vét Rạch Mọi	Các xã	SON	4,68	4,68	b	Đã phê duyệt 97 hộ/2,03 ha; chưa phê duyệt 39 hộ/1,76 ha; Quyết định thu hồi đất từ số 7217/QĐ-UBND đến số 7342/QĐ-UBND ngày 08/12/2020
38	Nạo vét Rạch Đông	Tân An	SON	60,50	33,23	b	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư một số dự án; trong đó có dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu. Đang lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
39	Đường dây 110 kV Định Quán 2 -Vĩnh An	TT.Vĩnh An	DNL	0,48	0,48	b	- Văn bản số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định số 1037/QĐ-EVN SPC ngày 08/5/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Đang lựa chọn nhà thầu
40	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	Trị An, TT Vĩnh An	DNL	0,26	0,26	b	- Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai do đang lựa chọn nhà thầu
41	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	Hiếu Liêm	DNL	92,23	92,23	b	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
42	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	Hiếu Liêm	DNL	38,18	38,18	b	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021
	* Các dự án bổ sung năm 2022			3,92	3,32		
43	Đường Chu Văn An	TT.Vĩnh An	DGT	2,33	1,73	b	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
44	Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT.Vĩnh An	DGT	0,5	0,5	b	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
45	Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Trị An-Phú Giáo	Hiếu Liêm	DNL	0,09	0,09	b	- Quyết định giao vốn: số 475/QĐ-EVN SPC ngày ngày 15/3/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 cho Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam. - Quyết định số 2093/QĐ-EVN SPC ngày 28/6/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình. - Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vĩnh Cửu. - Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai. - Chưa thực hiện do Tình hình dịch Covid- 19 diễn biến phức tạp, chưa phối hợp với địa phương thực hiện các thủ tục GPMB.
46	Điểm trung chuyển rác	Phú Lý	DRA	1,00	1,00	b	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025
	Điểm c - Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng			15,91	14,61		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			15,80	14,50		
47	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (đường N4, D4, D5)	Thạnh Phú	DGT	2,17	2,17	c	Đang trình chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
48	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (công viên cây xanh)	Thạnh Phú	DKV	4,87	4,87	c	
49	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (khu văn hóa thể thao)	Thạnh Phú	DTT	2,86	2,86	c	
50	Khu dân cư kết hợp tái định cư, thương mại dịch vụ ấp Ông Hường	Thiện Tân	ONT	5,80	4,60	c	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện và đang vướng mắc trong việc xử lý Kết luận thanh tra số 7259/KL-UBND ngày 11/9/2007 của UBND tỉnh
51	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Mã Đà	Mã Đà	DSH	0,05	-	c	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
52	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Mã Đà	Mã Đà	DSH	0,05	-	c	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
	* Các dự án bổ sung năm 2022			0,11	0,11		
53	Nhà văn hóa ấp Bình Lục	Tân Bình	DSH	0,11	0,11	c	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
	Điểm d - Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng			201,99	188,01		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			183,19	181,71		
54	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân	Thiện Tân	SKN	3,00	3,00	d	Đang thu hồi; có 03 hộ/0,9 ha đề nghị thu hồi hết; Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND huyện Vĩnh Cửu về chấp thuận chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
55	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO)	Tân An	SKN	48,82	48,82	d	Ngày 24 và 25/6/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu thay mặt Hội đồng bồi thường đã tổ chức họp dân triển khai kế hoạch thu hồi đất và phổ biến thông báo thu hồi đất của UBND huyện Vĩnh Cửu để thực hiện dự án, đồng thời tiến hành kiểm đếm tài sản (Đợt 1) cho 29 hộ dân, với tổng diện tích 158.346m ² (Đạt 35,5% diện tích dự án).
56	Cụm CN Thiện Tân	Thiện Tân	SKN	48,90	48,90	d	Đang thu hồi (đã thu hồi 42,79 ha); đang thẩm định nhu cầu SĐĐ; đã bàn giao mặt bằng 62 hộ/41,49 ha; còn lại 06 hộ/4,7 ha đang lập thủ tục cưỡng chế
57	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân)	Thiện Tân	SKN	1,48		d	Đã được UBND huyện xác nhận bồi thường tại Văn bản số 528/UBND-KT ngày 28/01/2019 và đã gửi hồ sơ xin thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào đầu năm 2020 nhưng đến nay chưa có kết quả
58	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	Hiếu Liêm	ONT	42,43	42,43	d	Đã bàn giao mặt bằng 84 hộ/27,06 ha; còn lại 76 hộ/7,46 ha đang điều chỉnh ranh thu hồi đất; Quyết định thu hồi đất từ số 6964/QĐ-UBND đến số 7094 /QĐ-UBND ngày 30/11/2017; Thông báo thu hồi đất số 2053/TB-UBND đến Thông báo số 2097/TB-UBND ngày 11/9/2018
59	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	Tân An	ONT	23,48	23,48	d	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư; đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; Hiện nay, Công ty đã thoả thuận đền bù xong với các hộ dân trong ranh dự án với tổng diện tích là: 197.217,8 m ² (đạt 87% diện tích dự án)
60	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	Thanh Phú	ONT	6,76	6,76	d	Quyết định chủ trương đầu tư số 2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
61	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BĐS Trịnh Vũ Giáp)	Thanh Phú	ONT	5,62	5,62	d	Đang thu hồi; đã ban hành 06 quyết định kiểm kê bắt buộc; Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu
62	Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên)	Tân Bình	ONT	2,70	2,70	d	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về chủ trương thực hiện dự án
	* Các dự án bổ sung năm 2022			18,80	6,30		
63	Khu dân cư tập trung xã Thanh Phú	Thanh Phú	ONT	18,8	6,30	d	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
	IV. Dự án thu hồi đất theo Điều 65 - Luật Đất đai năm 2013			5,09	5,09		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021			2,91	2,91		
64	Chùa Linh Sơn	Vĩnh Tân	TON	0,72	0,72	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
65	Chi hội Tin Lành Phú Lý	Phú Lý	TON	0,07	0,07	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
66	Chi hội Tin Lành Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	TON	0,81	0,81	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
67	Niệm phật đường Phước An	TT.Vĩnh An	TON	0,19	0,19	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
68	Chùa Giác Pháp	Mã Đà	TON	0,25	0,25	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
69	Thiền tự Nhất Quang	TT.Vĩnh An	TON	0,15	0,15	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
70	Tịnh thất Viên Quang	Vĩnh Tân	TON	0,72	0,72	65	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
	* Các dự án bổ sung năm 2022			2,18	2,18		
71	Chùa Từ Đức	Thiện Tân	TON	0,14	0,14	65	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Điều khoản thu hồi	Ghi chú
72	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Tân	TON	1,27	1,27	65	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
73	Giáo xứ Thuận An	TT.Vĩnh An	TON	0,7	0,70	65	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
74	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	TT.Vĩnh An	TON	0,07	0,07	65	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
	VI. Dự án thu hồi đất theo khoản 60 Điều 2 - Nghị định 01/2017/NĐ-CP			39,51	31,66		
	* Các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2021						
75	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Phú Lý	NKH	27,35	27,35	60	
76	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	Phú Lý	NKH	12,16	4,31	60	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
	1. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH						
	1.1. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
	a. Đất quốc phòng						
1	Công trình căn cứ hậu cần - kỹ thuật huyện Vĩnh Cửu (gồm: Thao trường huấn luyện 15,19 ha và Căn cứ hậu cần kỹ thuật 33,81 ha)	Hiếu Liêm	CQP	49,00	-	49,00	Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020, hiện nay đang tiếp tục thu hồi; đã chi trả 13 hộ/26,3 ha còn lại 4 hộ/22,6 ha chưa chi trả tiền bồi thường; Văn bản số 2197/BCH-TM ngày 27/8/2021 về việc thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật và Thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện.
2	Công trình quốc phòng (DA1)- Bộ CHQST	Thiện Tân	CQP	5,70	-	5,70	Ngày 16/4/2021 UBND tỉnh có ban hành Văn bản số 344/UBND-KTN về giải trình nội dung đề nghị điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 báo cáo Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 1048/BTL-TM, ngày 12/4/2021 về điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất công trình ĐAI theo Quyết định số 594/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3	Trường bắn BB	Tân An	CQP	21,30	-	21,30	Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 5211/QĐ-BQP ngày 12/11/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện (công trình Bộ duyệt); chưa triển khai thực hiện do UBND tỉnh chưa bố trí được nguồn vốn năm 2021 do đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tiếp tục đăng ký ghi vốn đầu tư công theo nội dung Văn bản số 2987/SKHĐT-TĐ ngày 29/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
	b. Đất an ninh						
4	Trụ sở công an xã Mã Đà	Mã Đà	CAN	0,20	-	0,20	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
5	Trụ sở Công an xã Thiện Tân	Thiện Tân	CAN	0,42		0,42	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
	1.2. Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng						
	1.2.1. Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất						
	* Đất khu công nghiệp						
6	Khu công nghiệp Thạnh Phú	Thạnh Phú	SKK	51,57	-	51,57	Diện tích đã hoàn tất bồi thường GPMB là 68,81 ha với 197 hộ dân; Diện tích còn lại phải tiếp tục thực hiện bồi thường là 51,57 ha, bao gồm 209 hộ dân, 07 tổ chức và toàn bộ đất đường giao thông dân sinh trong Khu công nghiệp Thạnh Phú do UBND xã Thạnh Phú quản lý
7	Khu công nghiệp Sông Mây (thuộc địa bàn xã Tân An- huyện Vĩnh Cửu)	Tân An	SKK	58,60	11,24	47,36	Diện tích đã được giải ngân và bàn giao mặt bằng cho Khu công nghiệp 305.892 m2. Bao gồm: diện tích đã được cấp sổ 112.447 m2 (đã cho cho doanh nghiệp thuê lại 47.390 m2, diện tích còn lại 65.057 m2 chưa đưa vào sử dụng. Lý do không liên khoảnh liền thửa
	2. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI						
	2.1. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất						
	a. Đất cụm công nghiệp						

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
8	Đường vào cụm công nghiệp Thanh Phú -Thiện Tân	Thiện Tân	SKN	3,00	-	3,00	Đang thu hồi; có 03 hộ/0,9 ha đề nghị thu hồi hết; Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của UBND huyện Vĩnh Cửu về chấp thuận chủ trương đầu tư
9	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Tân An (Cty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển Cường Thuận IDICO)	Tân An	SKN	48,82		48,82	Ngày 24 và 25/6/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu thay mặt Hội đồng bồi thường đã tổ chức họp dân triển khai kế hoạch thu hồi đất và phổ biến thông báo thu hồi đất của UBND huyện Vĩnh Cửu để thực hiện dự án, đồng thời tiến hành kiểm đếm tài sản (Đợt 1) cho 29 hộ dân, với tổng diện tích 158.346m ² (Đạt 35,5% diện tích dự án).
10	Cụm CN Thiện Tân	Thiện Tân	SKN	48,90		48,90	Đang thu hồi (đã thu hồi 42,79 ha); đang thẩm định nhu cầu SDD; đã bàn giao mặt bằng 62 hộ/41,49 ha; còn lại 06 hộ/4,7 ha đang lập thủ tục cưỡng chế
11	Công ty TNHH Thành Phú Phát (trong Cụm CN Thanh Phú- Thiện Tân)	Thiện Tân	SKN	1,48	1,48	-	Đã được UBND huyện xác nhận bồi thường tại Văn bản số 528/UBND-KT ngày 28/01/2019 và đã gửi hồ sơ xin thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào đầu năm 2020 nhưng đến nay chưa có kết quả
	b. Đất phát triển hạ tầng						
	*. Đất giao thông						
12	Đường Vĩnh Tân - Tân An	Vĩnh Tân và Tân An		3,00	-	3,00	Các Thông báo thu hồi đất ngày 03/7/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đường Vĩnh Tân - Tân An (GĐ 1); Đã phê duyệt giá đất cụ thể tại Quyết định số 4975/QĐ-UBND ngày 29/12/2020
13	Nâng cấp, mở rộng đường Hương lộ 15	Thanh Phú và Bình Lợi		9,60	4,30	5,30	UBND tỉnh đã phê duyệt phương án thi công tại Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 21/5/2021
14	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 9	Tân Bình	DGT	10,50	6,00	4,50	Thông báo thu hồi đất từ số 1821/TB-UBND đến số 2406/TB-UBND ngày 31/12/2020; đã kiểm đếm 507 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 310/1/2021/VB-ĐGD ngày 4/5/2021

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
15	Nâng cấp, mở rộng đường Hương Lộ 7	Tân Bình, Bình Lợi		9,10	4,90	4,20	Thông báo thu hồi đất từ số 1014/TB-UBND đến số 1353/TB-UBND ngày 25/11/2020 và Thông báo thu hồi đất từ số 1454/TB-UBND đến số 1657/TB-UBND ngày 25/11/2020; đã kiểm đếm 471 hộ và đã trình chứng thư đơn giá bồi thường tại chứng thư thẩm định giá số 438/CT-ĐGD ngày 27/5/2021
16	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Tân An, Trị An, TT. Vĩnh An		50,00	38,00	12,00	Đã phê duyệt bồi thường 1.555 hộ; còn lại 112 hộ chưa duyệt (QĐ: 4347/QĐ-UBND đến QĐ 6206/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND huyện; QĐ: 6440/QĐ-UBND đến QĐ 6583/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện; QĐ: 1156/QĐ-UBND đến QĐ1404/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện)
17	Đường ấp 3 xã Tân An	Tân An	DGT	4,50	2,40	2,10	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
18	Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DGT	3,40	1,66	1,74	Được bố trí vốn triển khai trong năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
19	Dự án đấu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ	TT.Vĩnh An	DGT	0,80	-	0,80	
20	Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà	Mã Đà	DGT	2,36	-	2,36	
21	Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3)	TT.Vĩnh An	DGT	2,39	-	2,39	
22	Đường Bến Xúc (nối Vĩnh Cửu - Trảng Bom)	Tân An	DGT	1,20	-	1,20	
23	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	DGT	9,90	-	9,90	
24	Đường Kỳ Lân	Thiện Tân	DGT	4,00	0,60	3,40	Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
25	Via hè tuyến đường ĐT.768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762)	TT.Vĩnh An	DGT	1,68	-	1,68	Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 về việc triển khai thực hiện NQ số 156/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C trên địa bàn huyện
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 7 KCN Thanh Phú đoạn đầu nối ra trục 16 xã Thanh Phú theo quy hoạch	Thanh Phú	DGT	0,10	-	0,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 452/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Chủ đầu tư đo vẽ, cắm mốc
27	Đường Bình Ninh	Bình Lợi	DGT	0,67	-	0,67	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
28	Đường nội đồng cây Gõ	Bình Lợi	DGT	0,45	-	0,45	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
29	Đường nội đồng giáo Tùng	Bình Lợi	DGT	0,65	-	0,65	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
30	Cầu Bạch Đằng và đường đầu nối với Hương Lộ 7	Bình Lợi	DGT	1,06	0,14	0,92	- Quyết định số 2763/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; - Văn bản số 330/CV-BCS - UBND ngày 17/7/2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh gửi BTV Tỉnh ủy xin ý kiến về chủ trương đầu tư xây dựng Cầu Bạch Đằng 2 nối 02 tỉnh Bình Dương và Đồng Nai
31	Mở rộng đường Cây Gõ	Thanh Phú	DGT	0,50	-	0,50	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
32	Đường Chu Văn An	TT.Vĩnh An	DGT	2,33	0,60	1,73	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua
33	Cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT.Vĩnh An	DGT	0,5		0,50	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
	*. Đất thủy lợi						
34	Hệ thống thoát nước Cụm công nghiệp Thiện Tân (giai đoạn 2) từ hạ lưu ra suối Rạch Đông.	Thiện Tân	DTL	0,80	-	0,80	Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện vv điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý; Đang trình chủ trương đầu tư
35	Nạo vét Rạch Mọi	Tân Bình, Bình Hòa		6,52	1,84	4,68	Đã phê duyệt 97 hộ/2,03 ha; chưa phê duyệt 39 hộ/1,76 ha; Quyết định thu hồi đất từ số 7217/QĐ-UBND đến số 7342/QĐ-UBND ngày 08/12/2020
36	Nạo vét Rạch Đông	Tân An	SON	60,50	27,27	33,23	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư một số dự án; trong đó có dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu. Đang lập báo cáo đánh giá tác động môi trường
	*. Đất cơ sở y tế						
37	Trạm y tế xã Mã Đà	Mã Đà	DYT	0,26	-	0,26	Đang thu hồi đất; Quyết định số 7988/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 về việc củng cố hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng Trạm y tế xã Mã Đà
	*. Đất cơ sở giáo dục						
38	Trường MN Bình Lợi	Bình Lợi	DGD	0,56	-	0,56	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Quyết định thu hồi đất từ số 5424/QĐ-UBND đến số 5425 /QĐ-UBND ngày 23/12/2019
39	Trường TH-THCS Mã Đà	Mã Đà	DGD	1,53	-	1,53	Thông báo thu hồi đất từ số 834/TB-UBND đến số 840/TB-UBND ngày 29/7/2021; Quyết định số 166/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng Trường Tiểu học - THCS Mã Đà; có ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
40	Trường tiểu học Bàu Phụng (CS2)	Phú Lý	DGD	1,10	-	1,10	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; Quyết định thu hồi đất từ số 63/QĐ-UBND đến số 68/QĐ-UBND ngày 16/01/2020

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
41	Trường TH Tân Phú xã Thạnh Phú (địa điểm mới ấp 1)	Thạnh Phú	DGD	2,20	-	2,20	Đã hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi; đang triển khai công tác lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán; Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 27/01/2021; được ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 19/01/2021 của HĐND huyện về Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án trường TH Tân Phú
42	Trường MN Sơn Ca	TT.Vĩnh An	DGD	1,20	1,20		Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trường MN Sơn Ca (Mầm non Cây Gáo); được ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
43	Trường MN Thiện Tân	Thiện Tân	DGD	0,96	-	0,96	Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư công trình trường MN Thiện Tân; được ghi vốn đầu tư công năm 2022 tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021
44	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Lê Quý Đôn	TT.Vĩnh An	DGD	0,91	-	0,91	- Quyết định 4194A/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi; đã xây dựng nhưng chưa làm thủ tục - Quyết định số 3655/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
	*. Đất thể dục thể thao						
45	Sân bóng đá (kết hợp khu thể thao)	Mã Đà	DTT	1,70	-	1,70	- Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu vv chấp thuận chủ trương đầu tư; đang thu hồi đất - Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn vốn khác do Huyện quản lý

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
46	Sân bóng đá huyện Vĩnh Cửu	TT.Vĩnh An	DTT	0,86	-	0,86	Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi và điều chỉnh ranh thiết kế của dự án; Thông báo thu hồi đất từ số 652/TB-UBND đến số 669/TB-UBND ngày 26/7/2019
	*. Đất năng lượng						
47	Đường dây 110 kV Định Quán 2 - Vĩnh An	TT.Vĩnh An	DNL	0,48	-	0,48	- Văn bản số 13604/UBND-CNN ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định số 1037/QĐ-EVN SPC ngày 08/5/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt hiệu chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường dây 110kV ĐQ2 - VA. - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Đang lựa chọn nhà thầu
48	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV thủy điện Trị An - TBA Kiệm Tân	Trị An, TT Vĩnh An		0,26	-	0,26	- Văn bản số 4897/UBND-KTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai v/v thỏa thuận hướng tuyến đường dây và phương án cải tạo công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân. - Quyết định số 3296/QĐ-EVN SPC ngày 14/11/2019 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Cải tạo đường dây 110kV TBA 220kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân - Quyết định 3322/QĐ-EVN SPC ngày 9/10/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam - Đã hoàn thành công tác đo đạc; Chưa triển khai do đang lựa chọn nhà thầu

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
49	Mở rộng nhà máy thủy điện Trị An (Khu vực tạm sử dụng)	Hiếu Liêm	DNL	92,23	-	92,23	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021
50	Phân pha dây dẫn đường dây 110Kv Trị An- Phú Giáo	Hiếu Liêm	DNL	0,09	-	0,09	- Quyết định giao vốn: số 475/QĐ-EVN SPC ngày ngày 15/3/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 cho Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam. - Quyết định số 2093/QĐ-EVN SPC ngày 28/6/2018 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình. - Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vĩnh Cửu. - Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai. - Chưa thực hiện do Tình hình dịch Covid- 19 diễn biến phức tạp, chưa phối hợp với địa phương thực hiện các thủ tục GPMB.
51	Nhà máy thủy điện Trị An mở rộng	Hiếu Liêm	DNL	38,18	-	38,18	Quyết định chủ trương đầu tư số 1354/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh; phê duyệt Nhiệm vụ Kỹ thuật - Dự toán công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ công tác thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và đã được Chủ đầu tư phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 82/QĐ-HĐTV ngày 26/7/2021
	*. Đất bãi thải, xử lý chất thải						
52	Nhà máy xử lý và tái chế rác thải tại xã Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	DRA	5,06	5,06	-	Đưa vào KH 2022 để hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
53	Trạm trung chuyển rác	Phú Lý	DRA	1,0		1,0	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025
	*. Đất cơ sở tôn giáo						
54	Chùa Linh Sơn	Vĩnh Tân	TON	0,72		0,72	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
55	Chi hội Tin Lành Phú Lý	Phú Lý	TON	0,07	-	0,07	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
56	Chi hội Tin Lành Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	TON	0,81		0,81	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
57	Niệm phật đường Phước An	TT.Vĩnh An	TON	0,19		0,19	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
58	Tịnh thất Viên Quang	Vĩnh Tân	TON	0,72		0,72	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
59	Chùa Giác Pháp	Mã Đà	TON	0,25	-	0,25	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
60	Thiền tự Nhất Quang	TT.Vĩnh An	TON	0,15	-	0,15	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất
61	Chùa Từ Đức	Thiện Tân	TON	0,14		0,14	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
62	Giáo xứ Thịnh An	Vĩnh Tân	TON	1,27		1,27	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
63	Giáo xứ Thuận An	TT.Vĩnh An	TON	0,7		0,70	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
64	Chi hội Tin Lành Vĩnh An	TT.Vĩnh An	TON	0,07		0,07	Sở nội vụ đề xuất bổ sung kế hoạch 2022 tại công văn số 4912/SNV_BTG ngày 11/11/2021
	c. Đất sinh hoạt cộng đồng						
65	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Mã Đà	Mã Đà	DSH	0,05	0,05	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
66	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Mã Đà	Mã Đà	DSH	0,05	0,05	-	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai
67	Nhà văn hóa ấp Bình Lục	Tân Bình	DSH	0,11		0,11	Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 18/5/2021 của Hội đồng Nhân dân huyện Vĩnh Cửu về kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025; dự án đã được Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư của huyện thông qua và đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND huyện thông qua

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
	d. Đất ở						
68	Xây dựng điểm dân cư nông thôn số 6	Hiếu Liêm	ONT	42,43	-	42,43	Đã bàn giao mặt bằng 84 hộ/27,06 ha; còn lại 76 hộ/7,46 ha đang điều chỉnh ranh thu hồi đất; Quyết định thu hồi đất từ số 6964/QĐ-UBND đến số 7094 /QĐ-UBND ngày 30/11/2017; Thông báo thu hồi đất số 2053/TB-UBND đến Thông báo số 2097/TB-UBND ngày 11/9/2018
69	Khu dân cư kết hợp tái định cư, thương mại dịch vụ ấp Ông Hường	Thiện Tân	ONT	5,80	1,20	4,60	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện và đang vướng mắc trong việc xử lý Kết luận thanh tra số 7259/KL-UBND ngày 11/9/2007 của UBND tỉnh
70	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	Tân An	ONT	23,48	-	23,48	Đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Quyết định chủ trương đầu tư; đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 12/4/2021; Hiện nay, Công ty đã thoả thuận đền bù xong với các hộ dân trong ranh dự án với tổng diện tích là: 197.217,8 m2 (đạt 87% diện tích dự án)
71	Khu dân cư theo quy hoạch (Công ty TNHH Đất Phú Quý)	Thanh Phú	ONT	6,76	-	6,76	Quyết định chủ trương đầu tư số 2023/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư
72	Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp (Công ty TNHH BĐS Trịnh Vũ Giáp)	Thanh Phú	ONT	5,62	-	5,62	Đang thu hồi; đã ban hành 06 quyết định kiểm kê bắt buộc; Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đầu tư Khu dân cư đô thị Trịnh Vũ Giáp tại xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu
73	Khu dân cư phố chợ (DNTN Thiên Nhiên)	Tân Bình	ONT	2,70	-	2,70	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh về chủ trương thực hiện dự án

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
74	Khu dân cư tập trung xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	ONT	18,8	12,50	6,30	Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Cty cổ phần Miền Đông đầu tư hạ tầng tại xã Thạnh Phú; Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh Về việc gia hạn tiến độ sử dụng đất dự án đầu tư khu dân cư tập trung của Công ty Cổ phần Miền Đông - Đầu tư hạ tầng tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
	e. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp						
75	Trạm Kiểm Lâm xã Phú Lý	Phú Lý	DTS	0,90		0,90	Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nâng cao năng lực PCCC cho lực lượng kiểm lâm Đồng Nai GD 2016-220 và QĐ số 1579/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 Vv đính chính Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 (đã ghi vốn thực hiện).
	2.2. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất						
	a. Đất thương mại, dịch vụ						
76	Điểm du lịch sinh thái Green Heaven	TT.Vĩnh An	TMD	7,05		7,05	Quyết định chủ trương đầu tư số 591/QĐ-UBND ngày 9/02/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai
	b. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp						
77	Khu chế biến; đường băng truyền từ mỏ đá Thiện Tân 9 đi ra khu chế biến, khu chế biến ra bến thủy nội địa (Công ty CP Đầu tư xây dựng TMDV XNK Trường Trường Phát JP)	Tân An	SKC	9,69	-	9,69	Công ty đã thỏa thuận bồi thường 96.884,6 m2; Hiện đang lập hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư nhưng gặp vướng mắc giữa điểm b, Khoản 1, Khoản 2, khoản 3, Điều 49 Luật Kinh doanh bất động sản và Điều 55, 59, 66 Luật Khoáng sản và Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
78	Công trình phụ trợ mỏ đá Thạnh Phú 3	Thiện Tân	SKC	1,28		1,28	Quyết định chủ trương đầu tư số 868/QĐ-UBND ngày 17/03/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai
	c. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm						
79	Mỏ đá Thạnh Phú 1	Thạnh Phú, Thiện Tân		29,66		29,66	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1048/GP-UBND ngày 14/6/2016.; đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
80	Mỏ đá Thiện Tân 2	Thiện Tân	SKX	0,94		0,94	Đã chuyển mục đích 10,26 ha tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 6.824,6 m ² đất và Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 cho Công ty BBCC chuyển mục đích 86.348,5 m ² đất. Công ty xin chuyển tiếp phần diện tích 0,94 ha này sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2022
81	Mỏ đá Thiện Tân 4	Thiện Tân	SKX	14,29		14,29	Đã có quyết định CMD 0,77 ha của UBND tỉnh tại Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 11/6/2021
82	Mỏ đá xây dựng Thiện Tân 5	Thiện Tân	SKX	16,80	-	16,80	Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định số 1043/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 03/4/2020; Công ty đã thỏa thuận bồi thường được khoảng 139.619,6m ² Giai đoạn 1 đã ký hợp đồng thuê đất 4,95 ha
83	Mỏ đá Thiện Tân 10 (Đồi chùa 3)	Thiện Tân	SKX	55,48	54,54	0,94	Đang lập thủ tục cấp phép khai thác khoáng sản và hoàn thiện thủ tục cấp quyết định chủ trương đầu tư
84	Mỏ đá Thiện Tân 9	Thiện Tân	SKX	30,70	12,62	18,08	Đã được UBND huyện xác nhận hoàn thành công tác bồi thường tại Văn bản số 6766/UBND-KT ngày 08/11/2019 với diện tích 98,846,3 m ² ; đến nay chưa lập thủ tục thuê đất
85	Mỏ đá Thiện Tân 3	Thiện Tân	SKX	16,17	16,17	-	giấy phép khai thác khoáng sản số 1633/GP-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh
86	Mỏ đá Thiện Tân 1	Thiện Tân	SKX	4,17		4,17	Giấy phép khai thác khoáng sản số 202/GP-UBND ngày 22/01/2015 của UBND tỉnh; đã thương lượng 02/4 ha

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
87	Mỏ đá Thiện Tân 8	Thiện Tân	SKX	26,10		26,10	Quyết định chủ trương đầu tư số 3902/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai; Đang lập thủ tục chấp thuận chủ trương đối với dự án sử dụng đất lúa trên 10 ha
88	Mỏ đá Thiện Tân 7	Thiện Tân	SKX	6,5	2,90	3,60	Giấy phép khai thác khoáng sản số 330/GP-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh
	d. Đất nông nghiệp khác						
89	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản (công ty Cp chăn nuôi Velbred) (2 vị trí)	Phú Lý	NKH	27,35	-	27,35	
90	Trại sản xuất heo giống mới và tinh heo giống cao sản	Phú Lý	NKH	12,16	7,85	4,31	
91	Cơ sở sản xuất giống gia cầm công nghệ cao Trại An (Cty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Chí Phú)	Trại An	NKH	1,13	-	1,13	Đã được UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 31/5/2020; Đang xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục
	e. Khu đất đấu giá						
92	Đấu giá đất ở (thửa đất 194 tờ 40)	TT.Vĩnh An	ODT	0,31	-	0,31	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất
93	Đấu giá đất ở kết hợp với thương mại dịch vụ (thửa 123 tờ 55)	TT.Vĩnh An	ODT	0,37	-	0,37	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất
94	Cầu tàu du lịch Hiếu Liêm (Công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo) (tên đăng ký là Khu đất Hợp tác xã Dịch vụ Chăn nuôi Hiếu Liêm tại thửa đất số 111 tờ bản đồ số 29)	Hiếu Liêm	TMD	0,29	-	0,29	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất
95	Khu đất đấu giá (2 khu: tờ 10 thửa 138 và tờ 5 thửa 412)	Bình Lợi	ONT	0,10	0,10	(0,00)	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất
96	Khu đất đấu giá theo quy hoạch (4,82 ha Tân An)	Tân An	SKC	4,83	-	4,83	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất (Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 9/01/2020)
97	Khu đất đấu giá (Khu du lịch Đảo Ó - Đồng Trường)	TT. Vĩnh An, Mã Đà		23,38	22,14	1,24	Do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh đề xuất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
	2.3. Các khu vực sử dụng đất khác						
98	Trường Tiểu học Bình Lợi	Bình Lợi	DGD	0,80	0,80		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
99	Trạm y tế xã Bình Lợi	Bình Lợi	DYT	0,10	0,10		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
100	Phòng Tài nguyên và Môi trường	TT.Vĩnh An	TSC	0,47	0,47		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
101	Trụ Sở UBND thị trấn	TT.Vĩnh An	TSC	0,47	0,47		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
102	Sân bóng	Hiếu Liêm	DTT	0,65	0,65		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
103	Trung tâm nhà văn hóa xã	Hiếu Liêm	DVH	1,03	1,03		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
104	Trụ sở UBND xã	Hiếu Liêm	TSC	0,35	0,35		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
105	Trụ sở Quân sự xã	Hiếu Liêm	TSC	0,15	0,15		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
106	Sân vận động ấp 1	Hiếu Liêm	DTT	0,29	0,29		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
107	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DSH	0,03	0,03		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
108	Trụ sở UBND xã Mã Đà	Mã Đà	TSC	0,35	0,35		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
109	Trung tâm học tập cộng đồng	Mã Đà	DVH	1,01	1,01		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
110	Trụ sở Quân sự xã	Mã Đà	TSC	0,15	0,15		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
111	Trụ Sở UBND xã Bình Hòa	Bình Hòa	TSC	0,66	0,66		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
112	Trung tâm Văn hóa xã Bình Hòa	Bình Hòa	DVH	1,19	1,19		Đưa vào KH 2022 để tiếp tục hoàn thành thủ tục giao đất, cấp GCN theo quy định
	3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022			168,00		168,00	
1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, TT		100,00		100,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển mục đích từ đất lúa sang nuôi trồng thủy sản	Các xã, TT		3,00		3,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp	Các xã, TT		10,00		10,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Ghi chú
	<i>Trong đó: chuyển mục đích từ đất trồng lúa</i>	Các xã, TT		4,00		4,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
4	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm	Các xã, TT		15,00		15,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
	<i>Trong đó: chuyển từ mục đích đất trồng lúa</i>	Các xã, TT		5,00		5,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở, chuyển sang đất ở	Các xã, TT		1,00		1,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
6	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	Các xã, TT		20,00		20,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chu chuyển trong nội bộ đất nông nghiệp	Các xã, TT		20,00		20,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
	<i>Trong đó: chuyển từ mục đích đất trồng lúa sang nông nghiệp khác</i>	Các xã, TT		10,00		10,00	Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

Biểu 07/CH

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021, NAY KHÔNG TIẾP TỤC ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDD	Lý do hủy bỏ
	I. Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại các nghị quyết thu hồi đất do đã có trong KHSDD quá 03 năm					
1	Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu công nghiệp	Thanh Phú	CQP	0,97	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDD quá 03 năm
2	Mở rộng trường MN (cơ sở chính)	Vĩnh Tân	DGD	0,70	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDD quá 03 năm
3	Hai tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng tại mỏ đá Thanh Phú 1 và Thiện Tân 2	Thiện Tân	DGT	1,14	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDD quá 03 năm
4	Nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung	TT.Vĩnh An	DGT	0,30	2020	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDD quá 03 năm
5	Đường Vĩnh Tân - Trị An (đoạn còn lại)	Vĩnh Tân và Trị An	DGT	1,50	2019	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDD quá 03 năm
6	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Tân An	DTL	0,04	2016	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDD quá 03 năm

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDĐ	Lý do hủy bỏ
7	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn	Trị An	DTL	0,05	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
8	Hệ thống thoát nước chống ngập trên đường ĐT 768 (đoạn từ ngã 3 đường Đồng Khởi đến ngã 3 đường D4)	Thanh Phú	DTL	1,00	2019	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
9	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung Tân An	Tân An	DTL	1,00	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
10	Hệ thống thủy lợi (Bể nước, trạm bơm)	Hiếu Liêm	DTL	0,25	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
11	Trạm cấp nước sạch	Hiếu Liêm	DTL	0,10	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
12	Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp (phần diện tích còn lại 18,9 ha)	Vĩnh Tân	DRA	18,90	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm (hiện nay chủ đầu tư đang lập lại thủ tục chủ trương đầu tư)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDĐ	Lý do hủy bỏ
13	Chợ Phú Lý	Phú Lý	DCH	0,19	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
14	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Tân An	Tân An	DSH	0,03	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
15	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Tân An	Tân An	DSH	0,06	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
16	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Tân An	Tân An	DSH	0,03	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
17	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bình Trung (mở rộng)	Tân An	DSH	0,03	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
18	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thái An (mở rộng)	Tân An	DSH	0,02	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
19	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	DSH	0,07	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
20	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thới Sơn	Bình Hòa	DSH	0,15	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
21	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bình Ý	Tân Bình	DSH	0,05	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
22	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Vĩnh Hiệp	Tân Bình	DSH	0,05	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDĐ	Lý do hủy bỏ
23	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2 Thạnh Phú	Thạnh Phú	DSH	0,05	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
24	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bình Chánh	Tân An	DSH	0,05	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
25	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DSH	0,20	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
26	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4 Bình Lợi	Bình Lợi	DSH	0,07	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
27	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Bình Lợi	DSH	0,20	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
28	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7 Thạnh Phú	Thạnh Phú	DSH	0,05	2015	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
29	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Thạnh Phú	Thạnh Phú	DSH	0,10	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số Nghị quyết số 24/2020/HĐND ngày 04/12/2020 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
30	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6 Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	DSH	0,13	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
31	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Thạnh Phú	Thạnh Phú	DSH	0,05	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
32	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 6 Thanh Phú	Thạnh Phú	DSH	0,05	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDĐ	Lý do hủy bỏ
33	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	DSH	0,05	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
34	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	DSH	0,06	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
35	Trạm kiểm lâm địa bàn Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DTS	0,05	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND ngày 04/12/2020 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
36	Trạm kiểm lâm địa bàn Phú Lý	Phú Lý	DTS	0,09	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND ngày 04/12/2020 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
37	Trạm kiểm lâm địa bàn Mã Đà	Mã Đà	DTS	0,06	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND ngày 04/12/2020 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
38	Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng). □	Thạnh Phú	ONT	16,76	2016	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/2020/HĐND ngày 04/12/2020 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
39	Khu dân cư (Công ty CP Tín Khai)	Thạnh Phú	ONT	51,45	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
40	Khu dân cư (Công ty CP đầu tư - kinh doanh nhà)	Thạnh Phú, Tân Bình	ONT	38,77	2018	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
41	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	SKN	49,81	2017	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDĐ	Lý do hủy bỏ
42	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	SON	7,00	2019	Dự án đã bị HĐND tỉnh hủy danh mục thu hồi đất tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 do đã có trong KHSDĐ quá 03 năm
	II. Dự án đã xây dựng xong nhưng không hoàn thành thủ tục đất đai					
43	Trụ sở công an Phú Lý	Phú Lý	CAN	0,20	2018	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
44	Trụ sở công an xã Vĩnh Tân	Vĩnh Tân	CAN	0,05	2017	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
45	Trụ sở công an xã Thạnh Phú	Thạnh Phú	CAN	0,33	2016	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
46	Công an xã Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	CAN	0,08	2019	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
47	Cơ sở giết mổ tập trung (khu phố 6)	TT.Vĩnh An	SKC	1,26	2015	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
48	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	Mã Đà	DTL	0,14	2017	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
49	Trường tiểu học Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DGD	0,90	2017	Dự án được xây dựng trên diện tích đất trường TH Hiếu Liêm cũ đã được cấp GCN QSDĐ; không tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất đai
50	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	DSH	0,60	2017	Đã xây dựng xong nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai; dự án quá 03 năm nhưng không hoàn thành thủ tục
	III. Dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm nhưng chưa triển khai					
51	Trụ sở làm việc Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel	Thạnh Phú	TMD	0,05	2018	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
52	Trạm xăng dầu Thạnh Phú	Thạnh Phú	TMD	0,10	2019	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện
53	Nhà kho chứa thiết bị (công ty TNHH Đào Cát Tường)	Tân An	SKC	6,64	2018	Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện; Chủ đầu tư đang xin lập lại thủ tục chủ trương đầu tư
54	Nhà kho chứa các sản phẩm (Công ty TNHH Việt Mỹ I)	Tân An	SKC	0,20	2018	Đã hết hạn chủ trương đầu tư; Dự án đã quá 03 năm nhưng chưa triển khai thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm đăng ký KHSDD	Lý do hủy bỏ
55	Giáo xứ Hiếu Liêm	Hiếu Liêm	TON	0,43	2018	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
56	Giáo xứ Thạch An	Vĩnh Tân	TON	0,01	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
57	Giáo xứ Phú Lý	Phú Lý	TON	1,04	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
58	Hội thánh tin lành Chi hội Tân Thành (Chi hội Tin Lành Tân Thành)	Bình Hòa	TON	0,02	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
59	Chùa Bửu Lâm	Bình Hòa	TON	0,17	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
60	Tịnh thất Thiên Môn	Bình Hòa	TON	0,17	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
61	Chùa Tân Sơn	Thạnh Phú	TON	0,12	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
62	Chùa Vân Sơn	Thiện Tân	TON	0,17	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
63	Tịnh xá Niết Bàn	TT.Vĩnh An	TON	0,03	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
64	Chùa Tường Quang	Vĩnh Tân	TON	0,36	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
65	Tổ đình Quốc Ân Kim Cang (mở rộng)	Tân Bình	TON	0,11	2019	Dự án do Ban tôn giáo tỉnh đề xuất nhưng không làm thủ tục giao đất và đã quá 03 năm nhưng không thực hiện
66	Trang trại chăn nuôi heo (Công ty CP Nông súc sản Đồng Nai)	Tân An	NKH	9,35	2018	Công ty Cp Nông súc sản Đồng Nai có Văn bản số 19/NSSĐN ngày 16/8/2021 xin không tiếp tục thực hiện dự án

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN VĨNH CỬU

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2021 (dự ước)	Diện tích tăng trong kỳ	Sử dụng từ các loại đất																				Biên động Tăng (+) Giảm (-)	Diện tích năm 2022		
					NNP	LUA	LUC	LUK	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	PNN	SKC	DHT	DGT	DTL	TON	NTD	ONT	ODT	TSC	DSH			SON	MNC
1	Đất nông nghiệp	NNP	89.039,53	85,79	85,79	23,00	4,90	18,10	10,00	32,79	20,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-698,20	88.341,33
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.554,69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-78,92	1.475,77
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	1.305,94	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-32,78	1.273,16
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.190,74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-133,70	2.057,04
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	11.689,94	30,00	30,00	10,00	-	10,00	-	-	20,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-313,85	11.376,09
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	11,57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,57
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	64.102,75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00	64.102,75
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.950,35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-201,37	7.748,98
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	2.221,47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00	2.221,47
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.223,67	3,00	3,00	3,00	1,90	1,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-20,22	1.203,45
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	315,82	52,79	52,79	10,00	3,00	7,00	10,00	32,79	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49,86	365,68
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19.874,91	751,35	698,20	55,92	27,88	28,04	123,70	311,06	181,37	23,22	2,93	53,15	16,48	####	####	1,42	1,58	0,02	5,86	1,16	1,13	0,02	6,77	4,56	698,20	20.573,11
2.1	Đất quốc phòng	CQP	167,50	76,00	72,10	-	-	-	4,35	45,05	17,86	2,12	2,72	3,90	-	0,33	0,33	-	-	-	0,09	-	-	-	3,48	-	76,00	243,50
2.2	Đất an ninh	CAN	9,87	0,62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,62	-	-	-	-	-	-	-	0,62	-	-	-	-	0,62	10,49
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	120,96	98,93	92,08	-	-	-	7,10	37,62	47,36	-	-	6,85	-	4,19	4,19	-	-	-	2,66	-	-	-	-	-	98,93	219,89
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	158,47	100,72	85,73	0,34	0,34	-	49,54	35,85	-	-	-	14,99	14,02	0,93	0,93	-	-	-	0,04	-	-	-	-	-	100,72	259,19
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	59,40	8,58	8,13	-	-	-	0,40	4,78	2,49	0,46	-	0,45	-	0,41	0,41	-	-	-	-	0,03	-	-	0,01	-	8,58	67,98
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	324,97	25,80	25,77	4,00	2,00	2,00	1,30	20,47	-	-	-	0,03	-	-	-	-	-	-	0,03	-	-	-	-	-	9,32	334,29
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	467,03	84,92	81,43	25,80	11,80	14,00	18,30	23,87	11,80	1,66	-	3,49	-	1,58	1,58	-	-	-	0,49	-	-	-	1,42	-	84,92	551,95
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.777,70	203,43	183,72	8,89	6,21	2,68	19,34	85,14	65,23	4,91	0,21	19,71	1,00	9,70	6,69	1,42	1,58	0,01	1,30	1,13	0,14	0,02	1,86	4,56	186,26	1.963,96
	Trong đó:																											
	- Đất giao thông	DGT	1.102,47	52,36	49,47	5,87	3,32	2,55	2,90	35,15	5,25	0,30	-	2,89	1,00	0,01	-	-	-	0,01	0,99	0,82	0,01	0,02	0,04	-	38,21	1.140,68
	- Đất thủy lợi	DTL	74,03	0,80	0,65	0,03	0,03	-	0,40	-	-	0,22	-	0,15	-	0,03	0,03	-	-	-	-	-	-	-	0,12	-	-0,62	73,41
	- Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	11,89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11,89
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,49	0,26	0,26	-	-	-	-	0,26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,26	8,75
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	84,90	7,26	7,03	-	-	-	3,53	3,50	-	-	-	0,23	-	0,02	0,02	-	-	-	0,07	0,01	0,13	-	-	-	7,26	92,16
	- Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	12,05	5,42	5,12	2,86	2,86	-	0,34	1,91	-	0,01	-	0,30	-	-	-	-	-	-	0,30	-	-	-	-	-	5,42	17,47
	- Đất công trình năng lượng	DNL	131,79	131,24	116,68	0,13	-	0,13	10,45	41,53	59,98	4,38	0,21	14,56	-	8,06	6,64	1,42	-	-	0,24	-	-	-	1,70	4,56	131,24	263,03
	- Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,61
	- Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15,41
	- Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	83,23	1,00	1,00	-	-	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,00	84,23
	- Đất cơ sở tôn giáo	TON	30,28	5,09	3,51	-	-	-	0,72	2,79	-	-	-	1,58	-	1,58	-	-	1,58	-	-	-	-	-	-	-	3,51	33,79
	- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	216,51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-0,02	216,49
	- Đất chợ	DCH	4,04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,04
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-0,02	6,62
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,84	4,87	4,87	4,87	-	4,87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4,87	13,71
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	938,19	106,29	104,64	6,57	2,66	3,91	16,57	42,06	36,63	2,81	-	1,65	1,00	-	-	-	-	-	0,65	-	-	-	-	-	100,43	1.038,62
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	177,54	2,38	1,70	0,50	-	0,50	1,00	0,20	-	-	-	0,68	0,31	-	-	-	-	-	-	-	0,37	-	-	-	1,22	178,76
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,49	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-1,13	17,36
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	15,14	0,90	0,90	-	-	-	0,90	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,90	16,04
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	13,39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,00	13,39
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.718,62	37,91	37,13	4,95	4,87	0,08	4,90	16,02	-	11,26	-	0,78	0,15	0,03	0,02	-	-	0,01	0,60	-	-	-	-	-	31,14	1.749,76
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	13.892,16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-4,56	13.887,60
Diện tích giảm trong kỳ					783,99	78,92	32,78	46,14	133,70	343,85	201,37	23,22	2,93	53,15	16,48	####	####	1,42	1,58	0,02	5,86	1,16	1,13	0,02	6,77	4,56		